ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

SOMBATH KINGBOUAKAI

KINH TẾ, VĂN HÓA CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM TẠI TỈNH LUANG PRABANG NƯỚC CHDCND LÀO (1986 - 2015)

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

THÁI NGUYÊN - 2018

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

SOMBATH KINGBOUAKAI

KINH TẾ, VĂN HÓA CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM TẠI TỈNH LUANG PRABANG NƯỚC CHDCND LÀO (1986 - 2015)

Ngành: LỊCH SỬ VIỆT NAM
Mã số: 8.22.90.13

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học: TS. HOÀNG THỊ MỸ HẠNH

THÁI NGUYÊN - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Đề tài ***Kinh tế, văn hóa của cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Luangprabang nước CHDCND Lào (1986 - 2015)*** là của bản thân tôi, kết quả nghiên cứu trong luận văn này là hoàn toàn trung thực, chưa từng được công bố trong bất kì một công trình của tác giả nào khác.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2018

Tác giả luận văn

SOMBATH KINGBOUAKAI

LỜI CẢM ƠN

Trước hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới cô giáo hướng dẫn TS Hoàng Thị Mỹ Hạnh, cùng các thầy cô trong Khoa Lịch sử, trường Đại học Sư phạm- Đại học Thái Nguyên đã chỉ bảo tận tình, động viên, khích lệ tôi trong suốt quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn Ủy ban Nhân dân tỉnh Luang Prabang và chính quyền địa phương tỉnh Luang Prabang đã tạo điều kiện thuận lợi về mọi mặt để tôi hoàn thành luận văn.

Trong thời gian đi thực tế, tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của hội người Việt ở tỉnh Luang Prabang và những người cung cấp thông tin ở tỉnh Luang Prabang. Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ quý báu đó.

Cuối cùng, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới Trường Cao đẳng Sư phạm Luang Prabang (tỉnh Luang Prabang), gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã động viên, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn.

Thái Nguyên, ngày tháng 4 năm 2018

Tác giả luận văn

SOMBATH KINGBOUAKAI

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN i
LỜI CẢM ƠN ii
MỤC LỤC iii
DANH MỤC CÁC BẢNG iv
MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề 2
3. Đối tượng, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu 4
4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu 4
5. Đóng góp của luận văn 5
6. Bố cục luận văn 5
Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ TỈNH LUANGPRABANG VÀ CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM TẠI TỈNH LUANGPRABANG 7
1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của tỉnh Luang Prabang 7
1.1.1. Lịch sử và vị trí địa lý 7
1.1.2. Điều kiện tự nhiên và dân cư 8
1.2. Khái quát về cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Luang Prabang 11
1.2.1. Chính sách của chính phủ Lào đối với cộng đồng người Việt Nam 11
1.2.2. Khái quát về cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Luangprabang 14
1.3. Mối quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa giữa Việt Nam - Luangprabang 21
Chương 2: KINH TẾ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM TẠI TỈNH LUANG PRABANG (1986 - 2015) 25
2.1. Nông nghiệp 25
2.2. Buôn bán, dịch vụ 27
2.3. Công nghiệp 32
2.4. Những đóng góp về kinh tế của người Việt Nam ở tỉnh Luangprabang 33
Chương 3: VĂN HÓA CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM TẠI TỈNH LUANGPRABANG (1986 - 2015) 36
3.1. Văn hóa vật chất 36
3.1.1. Ăn uống 36

3.1.2. Trang phục 40
3.1.3. Nhà ở 42
3.1.4. Phương tiện đi lại, vận chuyển 43
3.2. Văn hóa tinh thần 43
3.2.1. Ngôn ngữ và giáo dục 43
3.2.2. Tín ngưỡng, tôn giáo 47
3.2.3. Phong tục tập quán 50
KẾT LUẬN 61
TÀI LIỆU THAM KHẢO 63
PHỤ LỤC .....

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Dân số và mật độ dân số tỉnh Luangprabang năm 2015 10
Bảng 2.1: Thống kê một số cửa hàng buôn bán lớn ở tỉnh Luang Prabang năm 2015..... 29
Bảng 2.2. Thống kê một số cửa hàng buôn bán trung bình ở tỉnh Luang Prabang năm 2015 30
Bảng 2.3: Thống kê các dịch vụ của người Việt định cư tại tỉnh Luang Prabang 31
Bảng 3.1. Thống kê học sinh (2012 - 2015) 46
Bảng 3.2. Thống kê học sinh (2014 - 2015) 47

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Lào là một quốc gia nằm ở khu vực Đông Nam Á, gồm nhiều dân tộc, mỗi dân tộc đều có đặc trưng văn hóa riêng của mình. Thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, độc lập, hữu nghị và hợp tác; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ; sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước. Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Lào đã tăng cường mối quan hệ hợp tác với nhiều nước trong đó có Việt Nam.

Từ xa xưa, Việt Nam - Lào đã có mối quan hệ hữu nghị đoàn kết và hợp tác toàn diện. Đây là tài sản vô giá, là nhân tố quan trọng trong sự phát triển của hai nước Việt Nam - Lào. Mối quan hệ đó đã được thể hiện trong vần thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

"Việt - Lào hai nước chúng ta
Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long"

Chủ tịch Lào Kaysone Phomvihane đã từng nói:

"Trong lịch sử cách mạng thế giới đã có nhiều tấm gương sáng chói về tinh thần quốc tế vô sản nhưng chưa ở đâu và chưa bao giờ có sự đoàn kết liên minh chiến đấu đặc biệt lâu dài và toàn diện như vậy"[3].

Với 2.067 km đường biên giới chung, Việt Nam - Lào là hai nước láng giềng anh em gần gũi, có mối quan hệ chặt chẽ nhiều mặt trong quá khứ cũng như trong hiện tại, có nhiều nét tương đồng về điều kiện tự nhiên và văn hóa. Nhân dân hai nước có truyền thống đoàn kết hữu nghị lâu đời. Trong tiến trình phát triển lịch sử, một bộ phận người Việt Nam đã di cư tới Lào làm ăn sinh sống. Sự thân thiết, tính cởi mở của người Lào đã tạo điều kiện cho bộ phận cư dân người Việt hội nhập và trở thành một bộ phận của xã hội Lào. Cùng với người Lào, người Việt đã đóng góp nhiều mặt cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước Lào. Đồng thời, họ cũng đóng vai trò quan trọng, là cầu nối thúc đẩy mối quan hệ hữu nghị Việt - Lào ngày càng tốt đẹp hơn.

Luangprabang là một tỉnh nằm ở miền Bắc của Lào và là nơi có khá đông người Việt làm ăn, sinh sống tại đây. Vì thế, Lào đã trở thành tổ quốc thứ hai của họ. Trong quá trình cộng cư ở Lào, người Việt đã tạo nên một cộng đồng với hoạt động kinh tế - văn hóa, xã hội và mang những nét đặc trưng riêng. Để tìm hiểu về cuộc sống sinh hoạt của người Việt định cư tại tỉnh Luangprabang, tác giả đã quyết định chọn đề tài Luận

văn **"*Kinh tế, văn hóa của cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Luangprabang nước CHDCND Lào (1986 - 2015).***

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Vấn đề người Việt và kinh tế, văn hóa của người Việt Nam tại Lào đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu, ở những mức độ và khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả đã được tiếp cận một số tác phẩm, công trình nghiên cứu có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp góp phần quan trọng giúp tác giả thực hiện đề tài.

Năm 2003, trong cuốn sách *"Lịch sử mối quan hệ giữa Việt Nam - Lào"* của nhóm các tác giả Lào, do Nhà xuất bản Quốc gia Lào phát hành gồm 4 tập. Cuốn sách đã đề cập về mối quan hệ hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Lào từ năm 1930 đến năm 2003. Đồng thời, cuốn sách này cũng đã cung cấp những tư liệu về quá trình hình thành và định cư của người Việt Nam ở Lào. Qua đó, tác giả xác định và hiểu được thời gian đến định cư, lao động trong lịch sử của người Việt tại Lào nói chung và tại tỉnh Luangprbang nói riêng.

Tiếp đó, có thể kể đến cuốn sách *"Vai trò của cộng đồng người Việt ở Lào trong mối quan hệ Việt Nam - Lào",* Nhà xuất bản Khoa học Xã hội Hà Nội, xuất bản năm 2006 của tác giả Phạm Đức Thành. Trong cuốn sách này, Phạm Đức Thành đã đề cập về cuộc sống sinh hoạt của người Việt tại đất nước Lào và những đóng góp của cộng đồng người Việt trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội...

Cuốn *"Người Việt ở Thái Lan - Campuchia - Lào"* do PGS.TS Nguyễn Quốc Lộ chủ biên, Nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh xuất bản năm 2006 đã trình bày một cách khái quát về sự xuất hiện của người Việt tại Thái Lan, Campuchia, Lào qua các thời kì lịch sử; những đóng góp thiết thực của Việt Kiều trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ cứu nước. Đồng thời, tác giả còn đề cập đến các hoạt động kinh tế và việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Bài báo *"Yếu tố Việt trong tiến trình giao lưu, tiếp xúc văn hóa tại Lào"* của tác giả của Khampheng Thipmountaly đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á năm 2007 đã trình sơ lược về vấn đề người Việt khi sinh sống, lập nghiệp

trên đất nước Lào cũng như những ảnh hưởng của văn hóa Lào với cộng đồng người Việt về tiếng nói, nghi lễ hôn nhân, tín ngưỡng tôn giáo, ăn, ở, mặc...

Bài viết "*Nguyên nhân và các đợt di dân của người Việt đến Lào*" của tác giả Vũ Thị Vân Anh năm 2007, Tạp chí Nguyên cứu Đông Nam Á, số 2, tr. 37-43. đã tìm hiểu đến hoàn cảnh lịch sử, nguyên nhân và các đợt di dân của người Việt Nam đến đất nước Lào.

Năm 2008, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội xuất bản sách *"Cộng đồng người Việt ở Lào trong mối quan hệ Việt Nam - Lào"* của tác giả Phạm Đức Thành. Trong cuốn sách này, tác giả Phạm Đức Thành nghiên cứu về đời sống sinh hoạt của cộng đồng người Việt định cư ở đất nước Lào trong mối quan hệ hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Lào; những thuận lợi cũng như những khó khăn của người Việt khi sinh sống ở đây.

Trong sách *"Di cư và chuyển đổi lối sống trường hợp cộng đồng người Việt ở Lào"* xuất năm 2008 do Nhà xuất bản Thế giới phát hành, tác giả Nguyễn Duy Thiệu đã cung cấp nội dung về nguyên nhân cơ bản, các đợt di cư và sự thích ứng của người Việt Nam với cuộc sống sinh hoạt ở Lào.

Đề tài cấp Viện **"***Nghi lễ vòng đời của người Việt ở Lào và vấn đề giao thoa văn hóa Việt - Lào"* của tác giả Phạm Thị Mùi đã khái quát vài nét về người Việt ở Lào với những thay đổi trong tôn giáo, tín ngưỡng, xã hội; đồng thời, trình bày tương đối đầy đủ và khoa học về nghi lễ vòng đời, nghi lễ liên quan đến sinh đẻ của người Việt ở Lào, bảo lưu và hội nhập trong mối tương quan so sánh với người Lào và người Việt ở Việt Nam.

Năm 2015, Sở Ngoại vụ tỉnh Luang Prabang đã cho xuất bản sách "*Những quy định quản lý người nước ngoài*". Cuốn sách là sự tổng kết những quy định nhằm quản lý người nước ngoài ở Lào. Trên cơ sở những chính sách quản lý chung đó, tỉnh Luang Prabang áp dụng để quản lý người Việt Nam tại địa phương.

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu người Lào, người Việt đã đạt được nhiều thành tựu trong việc nghiên cứu về lịch sử Lào, Việt. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào đi sâu nghiên cứu về hoạt động kinh tế - văn hóa của cộng đồng người Việt tại tỉnh

Luangprabang (Lào). Vì vậy, tất cả những công trình kể trên đều là những nguồn tư liệu quý giá, có ý nghĩa với tác giả trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

3. Đối tượng, nhiệm vụ và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu mà Luận văn hướng tới là kinh tế, văn hóa của cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Luangprabang, nước CHNCND Lào (1986 - 2015).

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn là công trình nghiên cứu khoa học về người Việt tại Lào, trong đó trọng tâm là tìm hiểu kinh tế, văn hóa của người Việt Nam tại tỉnh Luangprabang. Để làm sáng tỏ nội dung Luận văn, tác giả tập trung đi sâu nghiên cứu những vấn đề trọng yếu sau:

- Khái quát về tỉnh Luangprabang (điều kiện tự nhiên, xã hội…) quá trình định cư của người Việt Nam tại tỉnh Luangprabang và nguyên nhân dẫn đến người Việt Nam định cư ở tỉnh Luangprabang.

- Nghiên cứu về kinh tế chủ yếu của người Việt Nam tại tỉnh Luangprabang.

- Các hoạt động văn hóa trong đời sống cộng đồng của người Việt tại tỉnh Luangprabang.

3.3. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Đề tài giới hạn không gian nghiên cứu tại tỉnh Luangprabang.

- Phạm vi thời gian: Từ năm 1986 đến năm 2015 (khi Lào thực hiện công cuộc đổi mới, mở rộng việc hợp tác giao lưu, thúc đẩy phát triển kinh tế với nhiều nước, đặc biệt là với Việt Nam).

4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tài liệu

Để thực hiện đề tài này. tác giả đã sử dụng các nguồn tư liệu chủ yếu sau đây.

- Tư liệu thành văn gồm:

+ Các công trình khoa học được xuất bản thành sách, các bài nghiên cứu được đăng trên tạp chí, bài viết trên các báo…bằng tiếng Việt và tiếng Lào.

+ Tài liệu lưu trữ của Hội người Việt Nam và lưu trữ tại trường học của người Việt ở tỉnh Luangprabang.

- Tư liệu điền dã: Do tác giả đề tài thu thập trong quá trình tìm hiểu về cộng đồng người Việt tại thực địa. Trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu về hoạt động kinh tế, văn hóa của người Việt định cư tại tỉnh Luangprabang, tác giả đã gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là việc thu thập tư liệu trong quá trình thực tế bởi người Việt định cư rải rác ở huyện trong tỉnh Luangprabang. Mặc dù vậy, tác giả đã cố gắng khắc phục khó khăn, tìm tư liệu thực tế để đưa ra những kết luận chính xác về đời sống kinh tế, văn hóa của người Việt ở đây.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện, đề tài sử dụng hai phương pháp chính là phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic. Đồng thời, để làm rõ kinh tế, văn hóa của người Việt Nam tại Luangprabang từ năm 1986 đến năm 2015, phương pháp điền dã được tác giả chú ý vận dụng. Ngoài ra, Luận văn còn vận dụng các phương pháp tổng hợp và phân tích, so sánh đối chiếu, phương pháp điều tra, hệ thống hóa bằng bảng biểu, sơ đồ để Luận văn có cái nhìn tổng quát hơn.

5. Đóng góp của luận văn

- Luận văn là công trình đầu tiên nghiên cứu về kinh tế, văn hóa của cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Luangprabang (Lào).

- Luận văn có thể sử dụng như một công trình tham khảo, phục vụ cho việc nghiên cứu, giảng dạy về lịch sử quan hệ quốc tế, lịch sử Đông Nam Á, lịch sử Lào, lịch sử văn hóa, tộc người.

- Luận văn là cứ liệu lịch sử khẳng định quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trong quá khứ và hiện tại**.**

6. Bố cục luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, nội dung của Luận văn được trình bày theo 3 chương:

Chương 1: Khái quát về tỉnh Luangprabang và cộng đồng người Việt tại tỉnh Luangprabang.

Chương 2: Kinh tế của cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Luangprabang (1986 - 2015).

Chương 3: Văn hóa của cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Luangprabang (1986 - 2015).

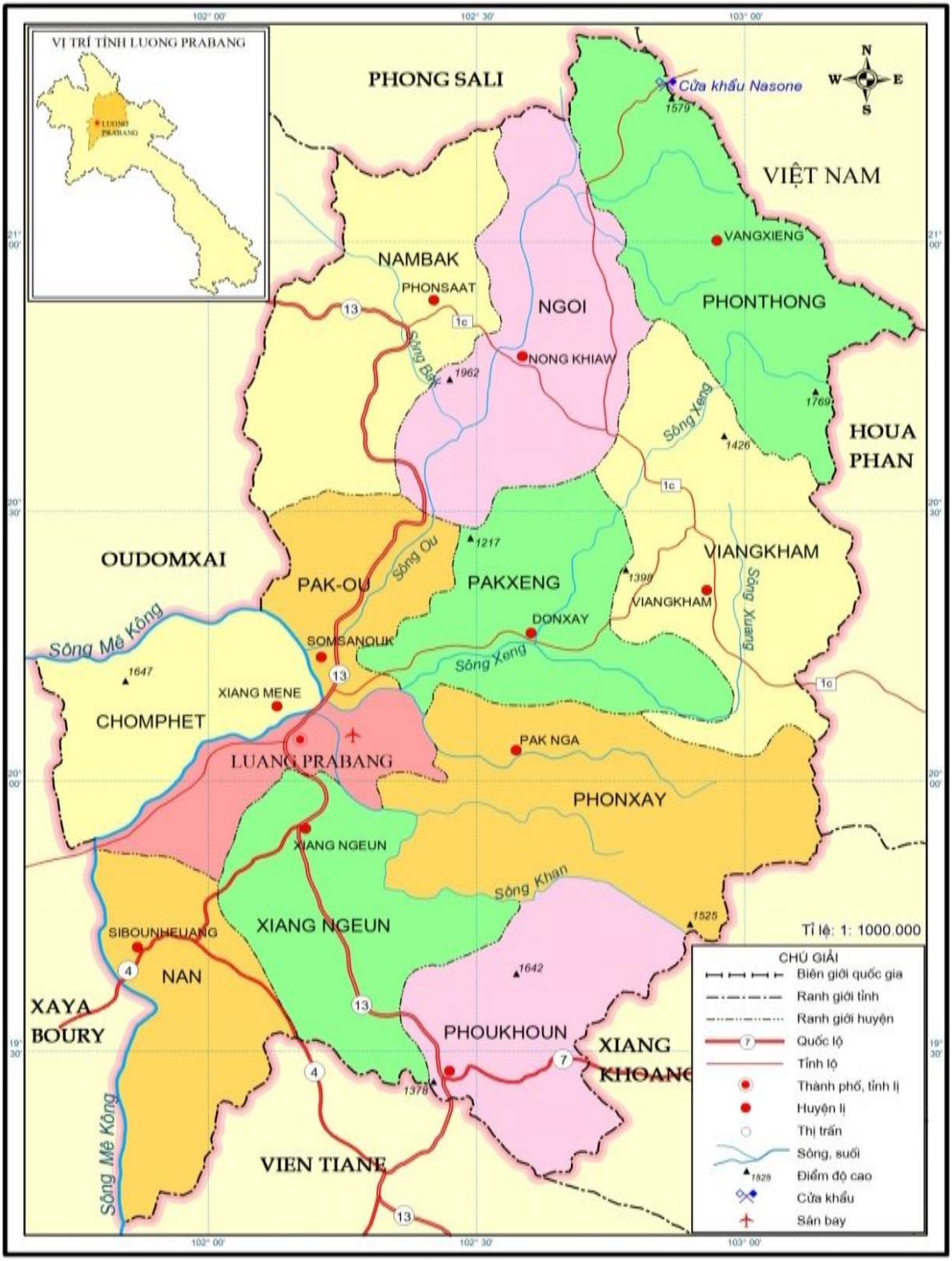

Bản đồ hành chính tỉnh Luangprabang, CHDCND Lào

Nguồn: https://Luangprabang.wikimedia.org/.

Map_of_Luangprabang_Province,_Laos.jpg

Chương 1
KHÁI QUÁT VỀ TỈNH LUANGPRABANG VÀ CỘNG ĐỘNG NGƯỜI VIỆT NAM TẠI TỈNH LUANGPRABANG

1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của tỉnh Luang Prabang

1.1.1. Lịch sử và vị trí địa lý

Luang Prabang (tỉnh lị tỉnh Luang Prabang) là một tỉnh nằm ở phía Bắc thuộc vùng núi Thượng Lào cách thủ đô Vientiane 425 km. Luang Prabang là cố đô của Vương quốc Lan Xang (Lạn Xạng) - Triệu voi được thành lập bởi vua Fa Ngum năm 1353 và kéo dài đến thế kỷ XVII.

Mương Xua, tên cũ của Luangprabang, vào năm 698 bị một thủ lĩnh người Thái là Khun Lo chinh phục. Khun Borom, cha của Khun Lo là nhân vật gắn liền với nhiều truyền thuyết của người Lào về việc sáng tạo ra thế giới, là truyền thuyết chung của dân tộc Lào cùng với người Shan và các dân tộc khác trong vùng. Khun Lo đã lập ra một triều đại với mười lăm đời vua nối tiếp nhau cai trị vùng Mương Xua độc lập. Đây là một giai đoạn yên ổn kéo dài trong lịch sử Luangprabang.

Nửa cuối thế kỷ 8, Nam Chiếu (Vương quốc hùng cường ở Vân Nam, Trung Hoa) thường can thiệp vào công việc của các quốc gia vùng châu thổ sông Mê Kông dẫn tới việc đóng chiếm Mương Xua. Vùng đất này đã bị cai trị bởi các hoàng tử và các vị quan người Nam Chiếu. Thời gian của cuộc chiếm đóng này hiện chưa được biết, nhưng có lẽ nó đã kết thúc trước khi diễn ra cuộc bắc tiến của đế quốc Khmer dưới thời vua Indravarman I (khoảng năm 877-889) và kéo dài tới tận các vùng lãnh thổ của Sipsong Panna ở thượng lưu sông Mê Kông. Cùng lúc ấy người Khmer thành lập khu tiền đồn ở Xai Phoong gần Vientiane và Chămpa, kéo dài tới tận miền Nam - nước Lào ngày nay và tiếp tục hiện diện trên hai bờ sông Mê Kông đến tận năm 1070. Chanthaphanit, vị quan địa phương cai trị Xay Phoong, di chuyển về phía bắc đến Mương Xua và được làm người cai trị ở đó sau khi các vị quan của Nam Chiếu rút đi. Chanthaphanit và con trai có thời gian cầm quyền rất lâu. Trong giai đoạn đó, vùng đất Luangprabang cổ bắt đầu được gọi theo cái tên bằng tiếng Xiêm là Xiêng Đông - Xiêng Thoong. Sau này triều đình của Chanthaphanit đã tham dự vào cuộc xung đột giữa một số quốc gia lân cận. Khun Chương, một vị chúa người Kamu hiếu chiến (những cách đánh vần khác gồm Khơ Mu và Kamu) đã mở rộng lãnh thổ của mình và chiếm đóng

vùng đất Xiêng Đông - Xiêng Thoong trong khoảng thời gian từ năm 1128 đến năm 1169. Dưới thời này, dòng họ Khun Chương đã cai trị và tái lập hệ thống hành chính kiểu Xiêm từ thế kỷ thứ 7 [30, tr. 77-78].

Năm 1353, bằng tài năng quân sự cùng với sự giúp đỡ của quốc vương Campuchia, Pha Ngum - vị hoàng tử đã thống nhất các tiểu vương quốc thành vương quốc Lanxang rộng lớn. Xiêng Đông - Xiêng Thoong trở thành thủ đô của vương quốc Lanxang và chính thức được đổi tên thành Luangprabang. Cái tên này có ý nghĩa đặc biệt bởi nó được ghép lại bởi ba từ: Luang là lớn, Pra là Phật, Bang tức là công đức. Luangprabang có thể được hiểu là tượng Phật lớn được sùng tạo từ công đức của nhiều người, tạm dịch là Tụ Đức Đại Phật Tượng. Năm 1560 Vua Saysetthathirat đã dời thủ đô tới Vientiane, hiện nay vẫn là thủ đô của Lào [30, tr. 116].

Năm 1707, vương quốc Lanxang tan rã và Luangprabang trở thành thủ đô của Vương quốc Luangprabang độc lập. Khi sáp nhập Lào vào thuộc địa của mình, Pháp công nhận Luangprabang là nơi cư ngụ của hoàng gia Lào. Cuối cùng, vị vua cai trị Luangprabang trở thành nguyên thủ quốc gia của Nhà nước bảo hộ Lào thuộc Pháp. Khi Lào giành lại độc lập, vua Luangprabang- Sisavangvong trở thành lãnh đạo và là vị vua cuối cùng của vương quốc Lào [30, tr. 293].

Hiện nay, tỉnh Luang Prabang có diện tích 16.875 km^2 (là tỉnh có diện tích lớn thứ hai của Lào), dân số: 463.485 người (đứng thứ năm dân số Lào) [25]. Tỉnh Luang Prabang tiếp giáp với tỉnh Sơn La (Việt Nam) ở phía Bắc và 6 tỉnh của Lào, cụ thể: phía Bắc tiếp giáp tỉnh Phongsaly, phía Tây giáp tỉnh Oudomxai, tỉnh Xayaboury; phía Nam giáp tỉnh Viengchan; phía Đông giáp tỉnh Xiengkhouang và Houaphan.

1.1.2. Điều kiện tự nhiên và dân cư

Tỉnh Luangprabang có địa hình phần lớn là đồi núi cao, từ 1.600m, thấp nhất là 247 mét so với mặt nước biển, diện tích 85% là vùng đồi núi cao, đồng bằng ven sông Mê Kông nhỏ hẹp. Địa hình này tạo điều kiện cho tỉnh Luang Prabang phát triển kinh tế đa dạng.

Nằm trong khu vực có núi đồi cao, khí hậu mát mẻ, nhiệt độ thấp nhất là 14°C, cao nhất là 40°C. Số lượng nước mưa hằng năm đo được 1.200 mm/năm. Như vậy, khí hậu của tỉnh Luang Prabang khá thuận lợi cho hoạt động du lịch, nhiệt độ không quá nóng và quá lạnh, ít có những ngày mây mù có thể tổ chức các hoạt động du lịch quanh

năm, một ưu thế hơn hẳn một số huyện ở vùng ven sông Mê Kông, sông Khan, sông Ou và sông Xeuang [25].

Tỉnh Luangprabang có nhiều loại khoáng sản, có nhiều mỏ cũng đã được kiểm tra khai thác như mỏ vàng ở huyện Pak Ou. Các mỏ chưa được kiểm tra khai thác như: mỏ ngọc thạch ở huyện Xieng Ngeun, mỏ than ở huyện Chomphet, mỏ đồng ở huyện Nambak và huyện Phonxay, mỏ chì ở huyện Ngoi và mỏ đá quỹ ở huyện Phonxay, huyện Nambak...

Luangprabang có 13 lưu vực sông và suối. Tổng diện tích lưu vực 13.000 km^2 với chiều dài sông suối 15.470 km. Nguồn nước mưa hằng năm khoảng 9,13 tỷ m^3. Nguồn nước phân bố mất cân đối theo thời gian và không gian. Tỉnh còn có một số mỏ nước khoáng có giá trị phục vụ tiêu dùng và chữa bệnh như nước khoáng Bokeo huyện Xieng Ngeun, Thác Se, vàng sông Xở và đặc biệt có nguồn nước nóng tại huyện Viengkham là điều kiện để tổ chức các hoạt động du lịch với loại hình nghỉ dưỡng chữa bệnh và nghỉ mát.

Tỉnh Luangprabang là nơi sinh sống của những người Lào từ rất sớm. Những tộc người này đã cùng sinh sống hòa hợp với nhau trong suốt nhiều thế kỷ qua. Đó là những tộc người Ai Lao, người Nam Á, H'Mông, Dao... Hiện nay Lào có 49 dân tộc. Nhưng trước đây, theo cách phân chia tộc người của các nhà dân tộc học, có thể thống kê các nhóm như sau:

Các tộc người được chia làm ba nhóm lớn: Lào Lum, Lào Theumg và Lào Soung. Trong đó Lào Lum là bộ tộc có vai trò chủ thể như người Kinh ở Việt Nam, thống lĩnh trong chính trị, kinh tế và có nền văn hóa phong phú, đa dạng và phát triển. Đặc điểm của ba nhóm người trên đất nước Lào là:

Lào Lum (người Lào Lum ở đồng bằng, chủ yếu là người Lào Thay, Phuôn) chiếm 68% trong số hơn 6 triệu dân trên đất nước Lào. Phần lớn họ làm nông nghiệp và ngư nghiệp (trồng lúa nước, chăn nuôi, săn bắt thú rừng, đánh cá sông…) Số dân tộc Lào Lum sinh sống tại Luangprabang vào khoảng 147.696% người.

Lào Theung (Người Lào Theung sống ở vùng trung du, chủ yếu là người thuộc nhóm Mon - Khame) chiếm 22%. Họ chủ yếu sống bằng nghề làm nương rẫy và rất giỏi trong nghề truyền thống làm mây, tre đan. Tộc người này chiếm phần đông ở Luangprabang với khoảng 182.910 người.

Lào Soung (Người Lào Soung sinh sống ở miền núi cao, chủ yếu là người thuộc nhóm Hán-Tạng, H'Mông - Dao) chiếm 10%. Họ có chữ viết, ngôn ngữ và văn hóa riêng. Hiện có khoảng 69.658 người, Lào Soung sinh sống bằng việc làm nương rẫy, chăn nuôi, săn bắt thú rừng tại Luangprabang [30, tr. 11].

Dân cư Luangprabang sống trong 12 huyện dược chia thành 752 làng với số dân cư khoảng 426.484 người. Tỉnh Luangprabang gồm có 12 huyện như: Luang Prabang, Chomphet, Pak-Ou, Nambak, Ngoi, Nan, Phoukhoun, Phonxai, Xieng Ngeun, Pakxeng, Viengkham và Phonthong. Trong đó huyện Luang Prabang có số dân đông nhất và phần lớn là dân tộc Lào Lum. Như vậy, với dân số bình quân 25 người/ km^2, Luangprabang là vùng đất rộng, cư dân khá thưa thớt lại gồm nhiều tộc người. Sự phân bố dân cư với đặc điểm của từng vùng đã giúp cho người dân Luangprabang sinh sống bằng những nghề nghiệp phù hợp [31, tr. 12].

Nghề nghiệp chính của người dân Luangprabang là làm nghề nông. Đánh bắt cá cũng là một nghề gắn liền với những người sinh sống ở ven sông từ xa xưa. Người dân ở đây đánh bắt cá để làm thức ăn, buôn bán hoặc để trao đổi hàng hóa. Nghề dệt vải thổ cẩm ở Luangprabang cũng rất nổi tiếng, nhất là người dân tộc ở làng văn hóa Pha Nôm. Họ sáng tạo hoa văn trên vải rất đẹp, hấp dẫn và mang tính độc đáo riêng của Luangprabang [29, tr. 9].

Bảng 1.1. Dân số và mật độ dân số tỉnh Luangprabang năm 2015

TT	Huyện, TP	Diện tích (km^2)	Dân số (người)	Mật độ (người/km^2)
1	TP. Luang Prabang	818	86.556	106
2	Huyện Xieng-Ngeun	1.210	32.613	27
3	Huyện Nan	1.021	27.977	27
4	Huyện Pak-Ou	720	26.512	37
5	Huyện Nambak	1.524	68.535	45
6	Huyện Ngoi	2082	28.961	14
7	Huyện Pakxeng	1.314	22.226	17
8	Huyện Phonxai	2.001	32.917	17
9	Huyện Chomphet	1.241	30.425	25
10	Huyện Viengkham	2031	28.409	14
11	Huyện Phoukhoun	979	22.609	23
12	Huyện Phonthong	1934	18.744	10
Tổng số		16.875	426.484	25

Nguồn: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Luang Prabang 2015

1.2. Khái quát về cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Luang Prabang

1.2.1. Chính sách của chính phủ Lào đối với cộng đồng người Việt Nam

Đối với người nước ngoài, Chính phủ Lào có những quy định được ghi trong Hiến pháp và các văn bản sau:

Thứ nhất, Công tác quản lý của chính phủ Lào về mặt nhân khẩu.

Thứ hai, quyền của người Việt được hưởng (hoạt động kinh tế, sinh hoạt văn hóa, được giáo dục…)

Trong cộng đồng người Việt tại Lào, luật định của chính phủ Lào quy định rất cụ thể. Người Việt ở Lào gồm 3 bộ phận: Bộ phận Việt kiều (những người định cư lâu dài ở Lào nhưng chưa có quốc tịch Lào); Bộ phận người Lào gốc Việt; Những người mới đến Lào trong những năm gần đây với nhiều hình thức khác nhau.

Người Lào gốc Việt, ước tính toàn Lào có khoảng 20.000 người. Về cơ bản họ đã có quốc tịch Lào, gia đình sinh sống tại Lào nhiều nhất đã trải qua 7 thế hệ. Những người Việt sống ở Lào khoảng 3 đời trở lên đã hòa nhập vào xã hội Lào, có cuộc sống ổn định và theo luật pháp, họ được hưởng quyền công dân như những người Lào gốc. Người Việt nhập quốc tịch Lào được quyền làm việc trong mọi lĩnh vực, họ được quyền sở hữu bất động sản, có giấy phép kinh doanh và con cái được học hành trong chương trình giáo dục tại Lào hoặc nước ngoài [15, tr. 44].

Người Việt chưa nhập quốc tịch Lào (Việt kiều), được chính phủ Lào cấp hộ khẩu và chứng minh thư nhân dân Lào, nhưng vẫn mang quốc tịch Việt Nam. Nhà nước Lào quản lý họ theo những luật định đối với người nước ngoài.

Tại điều 36, trang 11, Hiến pháp Lào quy định: "*Những ngoại kiều mà chưa có quốc tịnh Lào đều có quyền được bảo vệ nhân quyền và quyền tự do theo như Hiến pháp Lào quy định, có quyền khiếu kiện trước tòa án và các cơ quan nhà nước Lào. Mặt khác, họ phải tuân thủ luật pháp cũng như các quy định của pháp luật của nhà nước Lào* ". Trong chỉ thị số 110/97, ngày 20/2/1997 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Lào về việc tổ chức quản lý người nước ngoài trong điều 4 trang đã nêu: "*Những người nước ngoài mà được Bộ Nội vụ đồng ý định cư và làm ăn sinh sống tự do vĩnh viễn ở Lào thì được cấp chứng minh thư tạm thời của Cục quản lý xuất - nhập cảnh và được Cục An ninh kiểm soát. Nếu trong 7 năm những người đó có biểu hiện tốt thì giao cho Cục*

quản lý dân số thuộc Văn phòng. Quản lý người nước ngoài, cho phép được nhập hộ khẩu và làm chứng minh thư ngoại kiều được quyền cư trú ở Lào". Việt kiều được hoạt động, đi lại, làm ăn, buôn bán bình thường nhưng không được mua bán đất đai, nhà cửa, họ chỉ được quyền thuê. Việt kiều cũng không được nhà nước Lào cấp giấy phép đầu tư kinh doanh nên họ cần dựa vào môn bài của người Lào. Con cái của người Việt thuộc đối tượng này chịu nhiều thiệt thòi, nếu học tốt và muốn học các trường Đại học ở Lào thì phải xin làm con nuôi người Lào, mang họ Lào.

Ngoại kiều được nhập quốc tịch Lào được quy định tại điều 9, điều 14, điều 16 và điều 25 của Luật quốc tịch Lào. Theo quy định, người Lào không được mang nhiều quốc tịch. Quy trình xin nhập quốc tịch phải viết đơn trình Bộ Tư pháp Lào theo các cấp bản, huyện, tỉnh, Bộ An Ninh (Bộ Công An). Điều kiện gia nhập: Người viết đơn phải đủ 18 tuổi; biết đọc, viết, nói tiếng Lào thành thạo; đã thôi quốc tịch của mình; đã thường trú ở Lào liên tục trên 10 năm; có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; không có tiền án, tiền sự; sức khỏe tốt; có công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc Lào và cam kết tình nguyện tuân thủ luật pháp Lào… Nhiều Việt kiều cho con cái của mình nhập quốc tịch Lào theo hình thức hôn nhân hoặc nhận làm con nuôi của người Lào.

Nhóm thứ ba, những người Việt mới đến Lào sau năm 1975, nhất là từ năm 1980 đến nay. Cuộc sống của họ phần lớn là không ổn định và thành phần hết sức đa dạng. Quản lý đối tượng này được ghi rõ trong điều 4, điều 6 và điều 7 tại bổ sung mới, công bố năm 2004 trong luật quốc tịch Lào. Những người mới nhập cư, khi vào Lào họ có giấy thông hành hoặc hộ chiếu. Giấy thông hành do các tỉnh biên giới cấp nhưng không thể đi sâu vào nội địa. Giấy thông hành và hộ chiếu khi hết hạn không được phép ở Lào. Trong thời gian ở Lào, họ có quyền sở hữu tư nhân đối với nguồn thu nhập hợp pháp, có quyền thừa kế tài sản theo luật pháp Lào quy định. Khi không tiếp tục cư trú nữa, họ có quyền mang theo tài sản của mình. Đương nhiên, họ cũng không có quyền sở hữu đối với bất động sản.

Luật pháp Lào rất nghiêm khắc đối với người nước ngoài vi phạm luật định. Đối với người đến Lào lao động nhưng trốn thuế, theo chỉ thị số 110 (20/10/1997) của Bộ An Ninh, mức phạt từ 100 đến 1000 USA và bị trả về nước. Nếu vi phạm luật cư trú

và kinh doanh không khai báo bị phạt từ 500 đến 5000 USA; Trốn tránh, làm giả sổ hộ khẩu gia đình hoặc chứng minh thư thành ngoại kiều hoặc thành công dân Lào mà không được phép của Bộ An Ninh bị đưa ra tòa xét theo luật pháp…

Trên cơ sở tìm hiểu chính sách của Chính phủ Lào đối với người Việt và khảo sát thực tế tại địa bàn thành phố Luangprabang, tôi nhận thấy:

Người Việt sinh sống tại Luangprabang nói riêng và trên đất nước Lào nói chung lao động cần cù, sống hài hòa, tôn trọng luật pháp Lào. Họ được Đảng, nhà nước và nhân dân Lào hết lòng giúp đỡ.

Hiện tại vẫn có khá nhiều người Việt đã cư trú lâu dài ở Lào nhưng không thể nhập quốc tịch Lào cho dù họ có nguyện vọng. Nguyên nhân xuất phát từ một số quy định của luật pháp Lào về vấn đề nhập cư, cấp quốc tịch. Luật pháp Lào chỉ thừa nhận một quốc tịch, nhiều người Việt được sinh ra và sống trên đất Lào không được cấp quốc tịch Lào vì có những người Việt đời cha ông họ sang Lào từ những năm đầu thế kỷ XX, họ không thể xác định chính xác cha, ông họ ra đi từ địa phương nào tại Việt Nam. Do vậy họ không thể quay về Việt Nam nhập tịch và tại Lào trong luật định cấp quốc tịch, một trong những điều kiện quan trọng là phải từ bỏ quốc tịch của mình. Vậy đối tượng này, không bao giờ có thể đáp ứng được những yêu cầu cơ bản trên. Họ thực sự thiệt thòi về quyền lợi của mình, bởi họ không được thừa nhận các quyền cơ bản như: Quyền bầu cử, không được đảm trách những vị trí trong bộ máy hành chính Lào…

Số lượng Việt kiều sinh sống tại tỉnh Luangprabang cũng như các tỉnh khác ở Lào không nhỏ. Khá nhiều người trong số họ cần cù lao động, tiết kiệm trong sinh hoạt nên cũng có số vốn nhất định. Trong luật pháp Lào không cho phép họ sở hữu bất động sản nên họ cũng gặp khó khăn nhất định. Nếu muốn phát triển kinh tế nông nghiệp, họ không thực sự được sở hữu đất đai mà chỉ ở vị trí thuê hoặc làm thuê. Trong lĩnh vực kinh doanh họ không được chính phủ Lào cấp thẻ môn bài mà họ phải thuê lại của người Lào gốc…Đây là một trong những nguyên nhân giải thích tại sao người Việt đến Lào chủ yếu sống ở các thành phố và hoạt động kinh doanh của họ mang quy mô vừa hoặc nhỏ và có những bất cập nhất định.

Đối với nhóm người cư trú tạm thời của Lào đôi khi vẫn phạm luật khi họ vì kế sinh nhai đã di cư sang Lào. Giấy thông hành hết hạn họ không về nước và ở lại Lào họ vẫn kiếm được việc làm mặc dù đồng lương thấp. Trong mỗi đợt kiểm tra, bị công

an Lào bắt họ không có khả năng nộp phạt vì số tiền phạt quá lớn đối với thu nhập của họ. Thiết nghĩ, phía chính phủ Việt Nam và chính phủ Lào cần có sự hợp tác tìm biện pháp thực tế giúp nhóm người Việt cư trú tạm thời trên đất Lào hiểu biết đầy đủ, tôn trọng luật pháp của người Lào.

1.2.2. Khái quát về cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Luangprabang

Việt Nam và Lào có chung 2.069 km đương biên giới. Từ xa xưa, hai nước đã có quan hệ về địa lý, văn hóa và lịch sử. Vì vậy, hiện tượng người Lào đến Việt Nam cũng như người Việt Nam đến Lào làm ăn, sinh sống thường xuyên diễn ra.

Theo thư tịch cổ ghi chép đầu tiên về quan hệ Việt - Lào, từ năm 550 thời Tiền Lý, khi bị quân Lương đàn áp, Lý Nam để buộc phải lánh nạn và anh ruột của vua là Lý Thiên Bao đã chạy sang Lào lập căn cứ chống giặc ngoại xâm [19, tr. 49]. Thời Trần, nhiều quý tộc đã sang Lào xây dựng căn cứ, nuôi dưỡng lực lượng làm nơi nương tựa để tìm đường khôi phục vương triều.

Tuy nhiên, có thể thấy, việc di dân đến Lào của các triều đại phong kiến trước thời Nguyễn diễn ra lẻ tẻ không tạo thành các đợt di cư cụ thể.

Thế kỷ XIX, triều Nguyễn với chính sách cấm đạo và sát đạo trên khắp cả nước khiến nhiều người Công giáo đã buộc phải bỏ làng chạy sang các nước láng giềng như Lào, Thái Lan. Nhiều nhà thờ hiện nay ở Lào và Thái Lan là do các giáo dân và giáo sỹ người Việt góp sức cùng với cộng đồng giáo dân là người bản xứ xây dựng.

Ngoài lý do trên, do thiên tai, mất mùa, dịch bệnh, chế độ lao dịch và hàng loạt các loại sưu cao thuế nặng thời Nguyễn khiến người dân lâm vào tình trạng đói khổ, buộc phải chạy sang Lào để tìm kế sinh nhai.

Trong ký ức của nhiều người Việt sinh sống trên đất nước Lào, vẫn còn lưu giữ những câu chuyện do ông bà của họ kể lại về quá trình di cư sang Lào: Do ở Việt Nam đói khổ, nên họ phải bỏ làng xóm và tìm đường sang đây (sang Lào). Họ đi nhiều nhóm, mỗi nhóm khoảng chừng 10 người, mọi người đều đi qua đường Galiki (đường số 15), khi ấy hoàn toàn phải đi bộ, vì thế phải mất gần 2 năm mới đến đây. Thời Pháp thuộc, số lượng người Việt di cư sang Lào bằng con đường chính thức (do Pháp đưa người Việt sang làm quản lý, lao động trong các lĩnh vực như xây dựng cơ sở hạ tầng, đường xá) hoặc phi chính thức (do di dân tự phát) đã tăng lên nhanh chóng. Người di cư Việt Nam tập trung ở các tỉnh miền Bắc, Trung và Nam của Lào.

Có thể thấy, thời Pháp thuộc, hằng năm người Việt Nam làm phu mở những con đường chiến lược sang Lào như: đường nối liền đường số 6 Viêng Chăn - Hà Nội, đường số 13 Sài Gòn - Krachie - Pakse - Luangprabang, dường số 12 Tha Khec Hạ Lào, đường số 7 Luangprabang - Xieng khoang - Phú Diễn, Nghệ An, đường số 8 Tha Khec - Vinh, đương số 9 Đông Hà - Quảng Trị - Savannakhet. Năm 1912, hệ thống đường xá thuộc địa nói chung của Đông Dương chưa phát triển, trong đó, Lào lại là nơi kém phát triển nhất. Chính vì vậy, Pháp phải tăng cường nhiều nhân công, đặc biệt là đưa nhân công người Việt Nam sang Lào làm phu đường nhằm mở mang đường xá phục vụ cho cuộc khai thác thuộc địa tại xứ Lào. Ngoài ra, Pháp đưa người Việt sang đây làm cu li đồn điền trồng các loại cây công nghiệp.

Tính đến năm 1930, ở Lào có khoảng trên 10.000 người Việt chủ yếu là tiểu thương và thợ thủ công ở các trung tâm, phần lớn họ cư trú ở Luangprabang và Vieng Chan. Ngoài để phục vụ quá trình đẩy mạnh khai thác thuộc địa ở Lào, thực dân Pháp đã đưa người Việt sang làm công chức trong bộ máy chính quyền thuộc địa ở Lào. Trong thể chế chính quyền thuộc địa, cao nhất là người Pháp còn dưới đó là các công chức người Việt. Sau giai đoạn Pháp đưa nhiều người Việt Nam sang Lào để phục vụ việc khai thác thuộc địa, còn làn song di dân tự phát đến Lào tại thành cộng đồng người Việt, đặc biệt khi nạn đói năm 1945 do Nhật và Pháp gây ra ở miền Bắc và Trung Việt Nam là nguyên nhân khiến nhiều người Việt từ các tỉnh Trung bộ như Nghệ Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị theo đường số 8 sang tỉnh Tha Khec, theo đường số 9 sang tỉnh Savannakhet và các tỉnh Hạ Lào. Không chỉ người nông dân mà ngay cả những gia đình khá giả có chức sắc ở các làng quê Việt Nam cũng phải đối mặt với nạn đói năm 1945 và họ cũng thấy khó có thể qua khỏi nếu cứ bám trụ lại nơi chôn nhau cắt rốn, nên nhiều người đã phải thiên di đi tìm con đường sống [19, tr. 69]. Người Việt sang Lào thường đi theo nhiều nhóm.

Những năm trong và sau khi chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, phát xít Nhật chiếm Đông Dương thay thế Pháp ra sức đàn áp không chỉ người Lào mà còn tấn công vào cộng đồng người Việt trên toàn nước Lào. Chính trong bối cảnh đó, lực lượng liên minh Việt - Lào được thành lập. Lực lượng chủ chốt của đơn vị quân đội này chủ yếu là lớp thanh niên và trung niên người Việt cùng một số thanh niên người Việt kiều từ

Thái Lan sang phối hợp cùng với quân đội Lào kháng chiến chống Pháp trong âm mưu tái chiếm Đông Dương. Tháng 3 năm 1946, thực dân Pháp mở cuộc hành quân lớn vào thị xã Tha Khec, Savannakhet và Viêng Chan. Nhiều Việt Kiều ở vùng này buộc phải tản cơ sang Isan (vùng Đông Bắc) của Thái Lan và ở lại sinh sống. Hòa bình lập lại, từ năm 55-60 của thế kỷ XIX, một số Việt Kiều ở Thái Lan trở lại Lào làm ăn buôn bán và cũng có một số người Việt từ miền Nam của Việt Nam qua cửa khẩu Lao Bảo sang kiếm sống rồi định cư lại Lào.

Cộng đồng người Việt tại Lào hình thành khá sớm. Trong thời kỳ Pháp thuộc, do cuộc sống khó khăn, nạn đói hoành hành, một bộ phận dân các tỉnh miền Trung đã sang Lào sinh cơ lập nghiệp. Một số công chức, sĩ quan, binh lính bị Pháp đưa sang Lào phục vụ bộ máy cai trị và một số sang Lào làm ăn buôn bán. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954, một bộ phận người Việt Là quan chức, binh lính chế độ cũ đã ở lại định cư tại Lào.

Hiện nay, cộng đồng người Việt Nam tại Lào có khoảng 20.000 người, đa số sống ở Thủ đô và các thành phố lớn như Vientiane, Champasac, Savannakhet, Khammuon, Luang Prabang…

Do được sự quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện của Chính phủ Lào, cộng đồng người Việt Nam ở Lào đã phát huy được bản chất thông minh, cần cù, khéo léo vốn có trong sản xuất kinh doanh. Nhiều kiều bào làm nghề kinh doanh, dịch vụ ở quy mô vừa và nhỏ. Đáng chú ý ở một số địa phương có đông người Việt Nam, hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của người Việt đạt nhiều kết quả. Nhiều doanh nghiệp kiều bào đã trở thành những đơn vị kinh tế chủ lực, đầu đàn của một số tỉnh, thành phố đóng vai trò trong kinh tế - xã hội địa phương xóa đói giảm nghèo, được các cấp chính quyền tin cậy.

Theo lời kể của ông Chu Văn Phúc, chủ nhân một tiệm bán đồ cổ trên đường Sisouphanh, đồng thời là phó Ban Chấp hành Hội Người Việt Nam ở Luang Prabang chia sẻ: "*Hội là nơi để cho bà con đồng hương cùng tụ họp, giúp đỡ nhau lúc khó khăn. Bây giờ còn có thêm Tổng Lãnh sự quán Việt Nam ở đây. Sống ở Luang Prabang nhiều năm qua, đối với người xa quê, tôi cho rằng không gì quý bằng tình đồng bào, nghĩa đồng hương. Người Việt mình trên đất Lào luôn sống thân tình, thể hiện tính cộng đồng keo sơn, gắn bó của người Việt…*"

Luang Prabang cũng là một tỉnh có người Việt Nam sang làm ăn và sinh sống khá nhiều. Giai đoạn từ năm 1945 trở đi, một số người Việt sang đây theo đường số 13, số 7 và ở lại một số huyện ở các tỉnh miền Bắc của Lào. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, một số người Việt sang tỉnh Luangprabang làm ăn, kết hôn với người bản xứ tại vùng nông thôn và vùng biên giới giữa Việt Nam - Lào, đồng thời cũng có một số người Việt Nam tại tỉnh khác của Lào sang Luangprabang làm ăn và định cư tại đây [26].

Sau năm 1975, cư dân Việt Nam sống ở dọc biên giới giữa hai nước Việt Nam - Lào đã gặp nhiều khó khăn. Khi đó Thái Lan thi hành chính sách mở cửa, tung hang hóa Thái xâm nhập vào thị trường Lào nên đời sống của dân cư Lào lúc này dễ chịu hơn người Việt khá nhiều. Do lực thu hút đó, mà làn sóng di dân Việt trong thời gian này tăng lên, nhiều người vượt biên sang Lào đặc biệt là các thương nhân mua bán, vận chuyển hang Thái về Việt Nam. Từ Việt Nam quần bò, áo phông, hàng mĩ phẩm nhãn hiệu Thái lại được chuyển qua Liên Xô và Đông Âu, không ít người Việt đã kết hôn với người Lào và định cư làm ăn sinh sống lâu dài ở Lào.

Từ các nguyên nhân kể trên có thể, vấn đề di dân tự do và kết hôn (thậm chí là kết hôn không giá thú) đã tồn tại nhiều năm do đặc điểm dân tộc, thân thuộc lâu đời giữa nhân dân 2 biên giới. Hiện nay, mặc dù hai bên Việt Nam - Lào đã tích cực, ngăn chặn xử lý số người nhập cư trái phép, nhưng tình trạng đó không giảm mà có chiều hướng gia tăng. Tính đến năm 1994, số dân Việt Nam sang Lào sinh sống dọc theo biên giới là 7 hộ với 29 khẩu. Năm 1997, phía Lào thông báo cho Việt Nam có 104 hộ với 868 người Việt Nam di cư trái phép sang Lào. Theo thống kê của Lào năm 2004, có 680 hộ với 6.498 người Việt Nam đã di cư tự do sang Lào. Những năm gần đây, sự qua lại của người Việt Nam sang Lào tăng hơn bằng nhiều con đường như: một là thăm thân nhân rồi tìm cách ở lại Lào sinh sống; hai là sang Lào theo giấy thông hành của hai tỉnh kết nghĩa nhưng tiến sâu vào nội địa hết hạn giấy thông hành lại xin gia hạn rồi tìm cách ở lại Lào; ba là tự do sang Lào tìm kiếm công ăn việc làm, buôn bán hoặc sang du lịch rồi ở lại không về nước.

Ngoài những người nhập cư trái phép bằng con đường nêu trên, người Việt định cư ở Lào bằng cách theo các công trình hợp tác hay đầu tư của hai nước, của các doanh

nghiệp Lào. Sau khi hết hợp đồng, một số lao động ở lại, một số người về nước sau một thời gian tìm cách trở lại Lào đề làm ăn sinh sống…

Luang Prabang cũng là một tỉnh có nhiều người nước ngoài đến làm ăn sinh sống, trong đó, người Việt Nam chiếm số lượng nhiều nhất, có thể chia cộng đồng người Việt Nam định cư tại tỉnh Luangprabang thành 3 bộ như sau:

Bộ phận Việt Kiều là những người Việt Nam định cư ở Lào từ lâu đời nhưng chưa nhập quốc tịch Lào. Việt Kiều được chính phủ Lào cho phép định cư ở Lào với những quy định hết sức cụ thể. Tuy được cấp hộ khẩu và chứng minh thư Lào nhưng họ vẫn mang quốc tịch Việt Nam, họ được nhà nước Lào quản lý theo những quy định của ngoại kiều không được tham gia bầu và ứng cử ở Lào. Người Lào lấy vợ hay chồng là người Việt hay người Việt lấy vợ chồng là người Lào, con cái của họ có quyền chọn quốc tịch của bố hay mẹ. Bộ Công An Lào chấp nhận cho các con cháu nhập quốc tịch Lào nếu bố mẹ chúng đồng ý. Do vậy, có một thực tế, có những quy định của Lào đời bố mẹ chúng không được phép làm, đến đời con cháu được phép làm nếu có quốc tịch Lào.

Theo con số thống kê của Sở Chỉ huy bảo vệ an ninh tỉnh Luangprabang, tổng số người Việt Nam đang làm ăn sinh sống tại tỉnh Luangprabang cả 12 huyện là 1.228, trong đó, có 421 nữ, đông nhất là ở huyện Luangprabang có 556 người, 277 nữ. Còn theo tài liệu điều tra, hiện nay ở Lào vẫn chưa có Tổng Hội Việt Kiều nhưng có 12 Hội người Việt ở 12 tỉnh của Lào. Hội người Việt Nam ở Luangprabang thành lập vào ngày 19 tháng 8 năm 2009. Theo con số thống kế của hội Việt Kiều tỉnh Luangprabang, năm 2015, tổng số Việt Kiều là 107 hộ gia đình với 428 người, trong đó, có 193 nam và 235 nữ.

Ban Chấp hành hội cùng toàn thể bà con Việt Kiều luôn chấp hành, chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng, nhà nước Lào, tích cực tham gia đóng góp vào các hoạt động xã hội của nơi cư trú. Bên cạnh đó, họ luôn luôn hướng về tổ quốc thân yêu của mình bằng việc làm như hưởng ứng tích cực giúp đỡ đồng bào trong nước, ủng hộ giúp đỡ nạn nhân, chất độc màu da cam, các đoàn bộ đội Việt Nam sang tìm hài cốt các đồng đội đã hy sinh tại đất Lào cũng như tỉnh Luangprabang. Một số Việt Kiều chưa sang Việt Nam bao giờ nhưng họ luôn yêu thương Việt Nam và hướng về tổ quốc của mình [24].

Bộ phận thứ hai là người Việt Nam đã nhập quốc tịch Lào gọi là người Lào gốc Việt, những người Việt nhập quốc tịch Lào có quyền lợi và nghĩa vụ đầy đủ như người Lào. Họ được làm tất cả mọi ngành nghề như người Lào, có thể mua bán đất động sản như nhà ở, đất, xe và được cấp giấy phép kinh doanh, được học tại các trường học ở Lào, kể cả trường Đại học trong nước và nước ngoài. Từ năm 1993-1994, chính phủ Lào cho phép người Việt nhập quốc tịch Lào. Công dân nước ngoài hoặc người không có quốc tịch Lào có thể được nhập quốc tịch theo đơn xin gia nhập quốc tịch của người đó, nếu xét thấy có đủ các điều kiện sau:

1. Tuổi từ 18 trở lên.
2. Tuân thủ hiến pháp và pháp luật của nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào.
3. Biết nói, viết, đọc chữ Lào thành thạo.
4. Có bằng chứng có thể chứng minh mình đã hòa nhập vào cộng đồng xã hội và phong tục tập quán Lào; tôn trọng truyền thống, phong tục tập quán của dân tộc Lào.
5. Có sức khỏe tốt, không mặc bệnh truyền nhiễm, không nghiện ma túy.
6. Không có tiền án, tiền sự.
7. Có công lao đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Lào.
8. Không gây thiệt hại đến lợi ích của Tổ quốc Lào.
9. Đã thôi hoặc đã từ bỏ quốc tịch cũ của mình.
10. Đã ở Lào liên tục từ 10 năm trở lên, đã có hộ nhân khẩu và chứng minh thư do Lào cấp; riêng với người có trình độ chuyên môn bậc chuyên gia quy định thời hạn trên có thể ngắn xuống.
11. Có cuộc sống kinh tế ổn định [21, tr. 65].

Để thuận lợi trong cuộc sống, đã có người Việt quyết định nhập quốc tịch Lào, nhưng số lượng người Việt nhập quốc tịch Lào tại tỉnh Luangprabang chưa chính xác.

Bộ phận thứ ba là người Việt cư trú tạm thời. Đây là những người Việt sang Lào sau năm 1975. Họ có giấy tờ hợp lệ như giấy Thông hành hay hộ chiếu (trừ những người di dân tự do và những người phạm tội ở Việt Nam, trốn chạy sang Lào). Giấy thông hành thường do các tỉnh dọc biên giới cấp. Theo quy định của hai nước, người có các loại giấy Thông hành này không thể đi sâu vào nội địa Lào, nếu hết hạn mà không xin gia hạn vẫn tiếp tục ở lại Lào nếu bị công an Lào phát hiện sẽ bị phạt, một

lần bị phạt 300.000 kíp/1 người (tương đương 810.000 đồng Việt Nam). Công nhân Việt Nam làm việc trong các công trình hay dự án nếu quá hạn lưu trú mà không gia hạn các chủ doanh nghiệp, chủ công trình hay dự án sẽ bị phạt (250 USA/1 người) [16, tr. 34-35]. Phần lớn người Việt cư trú tạm thời ở Lào đều chưa có cuộc sống ổn định họ thương sống tập trung từ 2 đến 3 gia đình nhau thuê nhà làm ăn sinh sống.

Ở tỉnh Luang Prabang, người Việt định cư tạm thời chiếm số lượng nhiều nhất trong tổng số người Việt. Theo báo cáo của công an quản lý người nước ngoài tỉnh Luang Prabang, số lượng thống kê người Việt ở bộ phận này chưa có con số thật chính xác do họ thường xuyên di chuyển từ tỉnh này sang tỉnh khác để tìm kiếm việc làm.

Nhìn chung, người Việt ở Lào có nhiều thuận lợi trong hoạt động kinh tế bởi Việt Nam và Lào là hai nước có *"mối quan hệ đặc biệt, hợp tác toàn diện"* tạo mọi điều kiện thuận lợi, giúp nhau phát triển sản xuất bảo vệ an ninh chung. Người Việt ở Lào đã được hưởng hầu như trọn vẹn tình hữu nghị đặc biệt đó. Do vậy, việc làm ăn, đi lại của người Việt ở Lào khá thuận lợi, chỉ cần một tấm hộ chiếu, người Việt có thể đến Lào sinh sống.

Ngoài ra, với sự quan tâm, hướng dẫn, giúp đỡ của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Lào, bà con người Việt càng có thêm nhiều điều kiện thuận lợi để làm ăn sinh sống. Cho đến nay, ở tỉnh Luangprabang đã có hội người Việt Kiều để góp phần giúp đỡ bà con người Việt trong làm ăn sinh sống, phát triển sản xuất và gắn bó với quê hương, xứ sở.

Bên cạnh đó, Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến cộng đồng người Việt ở nước ngoài với những chủ trương, chính sách hết sức thuận lợi. Gần đây nhất là Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác đối với cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Đối với bà con người Việt ở các nước lân cận, còn nghèo như Lào, Campuchia, nhà nước có những hỗ trợ nhất định cho bà con nhất là về giáo dục đào tạo, tạo điều kiện học hành cho cộng đồng người Việt.

Bên cạnh những thuận lợi ấy, cộng đồng người Việt tại tỉnh Luangprabang cũng phải đối diện với những khó khăn nhất định như: Nền kinh tế Lào nói chung, đặc biệt là ở tỉnh Luangprabang nói riêng chưa phát triển, nhu cầu tiêu dùng chưa cao, thị trương nhỏ, sức mua hạn chế; Do vậy, không kích thich sự gia tăng trong đầu tư, mở rộng sản

xuất kinh doanh của người Việt, không thể làm ăn lớn nếu như không có ý tưởng về mở rộng kinh doanh buôn bán ra nước láng giềng hoặc đầu tư về Việt Nam.

1.3. Mối quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa giữa Việt Nam - Luangprabang

Việt Nam và Lào là hai nước láng giềng có truyền thống hữu nghị, tình anh em gắn bó kéo sơn từ lâu đời. Hai dân tộc Việt - Lào cùng chung dải Trường Sơn hùng vĩ, cùng uống dòng nước song Cửu Long. Trong lịch sử của mình, hai dân tộc Việt - Lào luôn thủy chung son sắt, kề vai sát cánh bên nhau để đấu tranh chống giặc ngoại xâm, giành lại độc lập, tự do cho quốc gia của mình và nước bạn láng giềng. Nói về tình hữu nghị giữa Việt Nam - Lào Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết:

"Yêu nhau mấy núi cũng trèo
Mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua
Việt - Lào hai nước chúng ta
Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long''

Chủ tịch Suphanuvong của Lào đã khẳng định tình hữu nghị giữa Việt Nam - Lào: *"Cao hơn núi, dài hơn sông, rộng hơn đại dương, đẹp hơn trăng rằm và thơm hơn mọi loại hoa thơm''* [15, tr.9].

Sau thành lập nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào, từ năm 1976 đến năm 1985, tỉnh Luangprabang đã kết bạn với Việt Nam. Hai bên thường tổ chức đoàn đại biểu thăm hỏi, trao đổi bài học kinh nghiệm và giao lưu văn hóa lẫn nhau.

Từ năm 1986 đến năm hiện nay, tỉnh Luangprabang đã tiếp tục tăng cường mối quan hệ hữu nghị và mối quan hệ đoàn kết với các tỉnh của Việt Nam như: Sơn La, Điện Biên Phủ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hòa Bình, Lai Châu, Lào cai … Cùng với việc thăm hỏi, trao đổi bài học kinh nghiệm lẫn nhau, hai bên đã kí kết bản ghi nhớ với các nội dung thỏa thuận hợp tác trong bảo vệ biên giới và hợp tác kinh tế.

Từ năm 1986 đến nay, mối quan hệ Việt - Lào vẫn được giữ gìn và phát triển ngày càng tốt đẹp. Việc hợp tác kinh tế, văn hóa tiếp tục được tăng cường.

Về kinh tế tỉnh Luangprabang là nơi được các nhà đầu tư Việt Nam quan tâm đến, đặc biệt là đầu tư vào chế biến sản, sản xuất đồ nội thất bằng gỗ, xây dựng khách sạn và khai thác tài nguyên…

Ngày mùng 3 tháng 10 năm 2011, tại tỉnh Luangprabang, đoàn đại biểu tỉnh đồng chí tiến sĩ Khampheng XAISOMPENG, tỉnh trưởng là trưởng đoàn. Đoàn đại biểu tỉnh Quảng Ninh do đồng chí Nguyễn Văn Đọt, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh là trưởng đoàn đã cùng nhau trao đổi, thảo luận và kí biên bản giúp đỡ với tình đoàn kết hữu nghị, hợp tác giữa hai tỉnh như :

- Hai bên mở rộng hợp tác lĩnh vực thương mại du lịch, văn hóa, giáo dục và phát triển nguồn nhân lực. Tạo điều kiện cho các sở, bao người hành cùng nhau trao đổi kinh nghiệm để tăng cường tình đoàn kết hữu nghị trong mối lĩnh vực trên cơ sở kết quả đã đặt được trong các lĩnh vực nêu trên và các lĩnh vực khác trong tương lai.

- Hai bên tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan tổ chức doanh nghiệp của hai tỉnh, thúc đẩy đầu tư ở cấp cơ sở, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội, mối quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai tỉnh.

- Uỷ ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đầu tư giúp đỡ xây dựng trường tiểu học tại làng Phu Lex, đây là cụm làng được quy hoạch mới của huyện Luangprabang và tỉnh Luangprabang. Hằng năm, tỉnh Quảng Ninh sẽ trao 5 xuất học bổng đào tạo trình độ đại học cho tỉnh Luangprabang [33, tr.1-2]

Để đáp lại lời mời của Đảng, chính quyền tỉnh Luang Prabang, đoàn đại biểu cấp cao tỉnh Sơn La do đồng chí Hoàng Văn Chất Bí thư Tỉnh Ủy ban Nhân dân tỉnh Sơn La là trưởng đoàn cùng với đoàn đã đến thăm và làm việc tại tỉnh Luangprabang từ ngày mùng 1-3 tháng 8 năm 2015.

Hai tỉnh đã tổ chức đến thăm, làm việc và trao đổi kinh nghiệm trong việc bảo vệ, gìn giữ giá trị văn hóa và lịch sử, đã tổ chức chương trình biểu diễn nghệ thuật, thi đấu thể thao và tuyên truyền rộng rãi các ngày lễ quan trọng của hai tỉnh, hai đất nước, đặc biệt là kỷ niệm ngày thiết lập mối quan hệ của hai nước.

Từ năm 2013-2015, tỉnh Luang Prabang đã tiếp nhận 5 học sinh từ tỉnh Sơn La. Các trường Đại học, Cao đẳng và trường nghề ở tỉnh Sơn La đã nhận và đào tạo 5 học sinh từ tỉnh Luangprabang; đi thực tế tiếng Việt, bằng nguồn ngân sách của tỉnh. Hai tỉnh còn phối hợp đầu tư xây dựng nhà văn hóa tại cụm làng phát triển vùng Na Luông, huyện Phon Thong, tỉnh Luangprabang có đường biên giới giáp với tỉnh Sơn La, mục đích để phát triển, nâng cấp cơ sở hạ tầng tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai nước sinh sống tại khu vực biên giới. Đồng thời, nhằm để phát triển văn hóa - xã hội, kinh tế vững mạnh và gìn giữ phong tục tập quán [33, tr. 2].

Ngày mùng 5 tháng 11 năm 2015, cuộc họp giữa đoàn đại biểu Đảng, cơ quan quản lý tỉnh Luangprabang do đồng chí Khamkhan CHANTHAVISOUK ủy Trung ương Đảng nhân dân cách mạng Lào, Bí thư Tỉnh ủy, tỉnh trưởng là trưởng đoàn và Ủy ban Nhân dân tỉnh Điện Biên Phủ, do đồng chí Trần Văn Sơn Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội (đoàn đại biểu có danh sách kèm theo). Tại tỉnh Điện Biên Phủ, trên tinh thần hữu nghị, đoàn kết đăc biệt, tin tưởng và hiểu biết lẫn nhau, hai bên đã báo cáo tình hình và kết quả đạt được trong lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính tư ở mỗi tỉnh. Cùng với đó, hai bên cũng đã thống nhất đánh giá kết quả đã đạt được trong việc thực hiện nội dung của biên bản giúp đỡ giữa hai tỉnh. Biên bản được ký ngày 31 tháng 8 năm 2014 tại tỉnh Luangprabang và đưa ra phương hướng hợp tác hữu nghị toàn diện giữa hai tỉnh.

Để đáp lại lời mời của đồng chí Bùi Văn Tịnh, Ủy viên Trung ương Đảng , Bí thư Tỉnh ủy, tỉnh Hòa Bình, tỉnh Luangprabang đã tổ chức đoàn đại biểu đi thăm và làm việc tại tỉnh Hòa Bình, từ ngày 25-27 tháng 12 năm 2014.

Nhằm thúc đẩy, thiết lập mối quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh Luangprabang và tỉnh Hòa Bình; góp phần vào việc tăng cường mối quan hệ hữu nghị, hợp tác và hiểu biết lẫn nhau giữa hai bên. Ngày 26 tháng 12 năm 2014, tại tỉnh Hòa Bình, đại biểu tỉnh Luangprabang và đại biểu tỉnh Hòa Bình đã kí biên bản giúp đỡ nhau có nội dung như sau:

- Hai bên thống nhất thúc đẩy phát triển mối quan hệ anh em, đó là truyền thống giữa hai tỉnh, đã cùng nhau kí biên bản hợp tác vào ngày mùng 6 tháng 3 năm 1976.

- Hai bên đã cùng nhau thống nhất hợp tác toàn diện, chủ yếu: công việc thuộc lĩnh vực Đảng, an ninh quốc phòng, giáo dục, y tế, cộng nghiệp - thương mại. đầu tư, nông nghiệp, văn hóa du lịch [31, tr. 1].

Ngoài các hợp tác về kinh tế, giáo dục hai bên còn tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, thể thao và du lịch nhằm tăng cường tình đoàn kết hữu nghị giữa hai nước Việt Nam - Lào, thúc đẩy hợp tác và giúp đỡ nhau giữa các địa phương, nhất là khu vực biên giới để phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân các dân tộc, đảm bảo an ninh quốc phòng, xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định và phát triển.

Trong tương lai, mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết, hợp tác toàn diện giữa hai nước Việt Nam - Lào sẽ ngày càng phát triển. Đặc biệt, việc nâng cao cửa khẩu Na Sone từ cửa khẩu địa phương sang cửa khẩu quốc tế đã góp phần quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ giao lưu hợp tác phát triển giữa Việt Nam và Lào nói chung, tỉnh Sơn La và tỉnh Luang Prabang nói riêng; thúc đẩy và mở ra những cơ hội hợp tác mới về kinh tế thương mại, đầu tư và du lịch giữa các tỉnh miền Bắc Việt Nam với các tỉnh miền Bắc Lào; thu hút các nhà đầu tư của hai nước, của quốc tế và khu vực này; tạo tiền đề cho việc hoàn chỉnh quy hoạch toàn bộ hệ thống cửa khẩu biên giới hai nước; hỗ trợ cho sự phát triển hành lang kinh tế Đông - Tây cũng như thúc đẩy tiến trình kết nối ASEAN.

Tiểu kết chương 1

Lào là một quốc gia nằm ở trung tâm của tiểu vùng sông Mê Công. Trong lịch sử thời phong kiến, Lào là một quốc gia độc lập, phát triển hùng mạnh. Do mâu thuẫn nội bộ, nước Lào rơi vào trạng thái phân liệt và trở thành thuộc địa của Xiêm, sau trở thành thuộc địa của thực dân Pháp từ năm 1983. Trải qua những năm tháng đấu tranh cách mạng, giành độc lập dân tộc, năm 1975 Lào là thực sự được giải phóng. Nhân dân các bộ tộc Lào bước vào thời kỳ khôi phục và xây dựng đất nước.

Lào là một quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á không có đường biên giới biển nhưng Lào luôn là một quốc gia có nhiều tiềm năng phát triển, một vùng đất văn hóa đa dạng, có nền chính trị - xã hội hài hòa, cởi mở nhưng dân số ít nên từ rất sớm Lào là điểm đến của cư dân các nước láng giềng trong quá trình di cư tự phát.

Tỉnh Luang Prabang là một trong 8 tỉnh miền Bắc của Lào có đường biên giới giáp với Việt Nam ở phía Bắc. Tỉnh cũng là địa phương có mối quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa bền chặt với Việt Nam. Hằng năm, cán bộ, sinh viên của Luang Prabang sang Việt Nam để học tập theo sự hợp tác của Chính phủ và địa phương, tại tỉnh Luang Prabang có nhiều người nước ngoài sinh sống làm ăn, đầu tư, trong đó người Việt Nam. Người Việt Nam đến Lào định cư nhiều nhất ở thời kỳ Lào là một xứ nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp. Người Việt Nam di cư sang Luang Prabang trong các khoảng thời gian và giai đoạn khác nhau, nhưng tập trung nhiều nhất là thời kỳ Lào thuộc địa của thực dân Pháp. Người Việt nhanh chóng thích nghi, hòa nhập với cuộc sống của người Lào và trở thành một cộng đồng định cư đặc biệt của người nước ngoài tại Lào.

Chương 2
KINH TẾ CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM TẠI TỈNH LUANG PRABANG (1986 - 2015)

Nguyên nhân chủ yếu người Việt Nam quyết định sang và định cư ở Lào với mục đích làm kinh tế. Họ lựa chọn nhiều nghề nghiệp khác nhau tạo nên bức tranh về đời sống kinh tế của cộng đồng người Việt cũng hết sức phong phú.

Nếu như trước năm 1986, nền kinh tế Lào hầu như đều do người Hoa giữ vai trò chủ đạo, thì sau năm 1986, những người Hoa giầu có ở Lào đều chạy ra nước ngoài, vì vậy người Việt có điều kiện tiếp nhận thị trường và ngày càng khẳng định vai trò của mình. Mặt khác, sau năm 1986, Lào thực hiện đường lối đổi mới từng bước vào khôi phục và phát triển kinh tế. Các nước trong phe xã hội chủ nghĩa - đặc biệt là Việt Nam tăng cường quan hệ hợp tác, giúp đỡ Lào… Vì thế, người Việt ở Lào cũng có điều kiện thuận lợi làm kinh tế để đời sống được cải thiện đáng kể.

Từ năm 1986 đến này, công cuộc đổi mới do Đảng nhân dân Cách mạng Lào lãnh đạo đã đưa nước Lào phát triển toàn diện, thoát khỏi tình trạng nước kém phát triển và tiếp tục thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mở rộng hội nhập với khu vực và quốc tế, bảo đảm tốc độ phát triển kinh tế cao. Đảng và nhà nước Lào luôn quan tâm, giúp đỡ, tạo điều kiện cho cộng đồng người Việt ở Lào nói chung, ở tỉnh Luangprabang nói riêng làm ăn, đồng thời phát huy được bản chất thông minh, cần cù, khéo léo vốn có trọng sản xuất kinh doanh. Có thể nói, ngành nghề kinh tế của người Việt ở Luangprabang khá đa dạng, trong đó, chiếm phần lớn là các ngành nghề kinh doanh, dịch vụ ở quy mô vừa và nhỏ.

2.1. Nông nghiệp

Bà con người Việt từ Việt Nam sang Lào phần lớn xuất thân từ nông dân. Theo lẽ tự nhiên, khi sống ở Lào người Việt sẽ đem những kinh nghiệm vốn có của mình phát huy trong kinh tế nông nghiệp. Nhưng thực tế cho thấy, bà con người Việt lại có thiên hướng tìm nghề mới, thích nghi với cuộc sống nơi đây. Có thể chỉ ra 2 nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này:

Thứ nhất, thời thuộc Pháp việc di cư của người Việt mang lại lợi ích cho Pháp. Họ phục vụ trong bộ máy hành chính, các cơ sở sản xuất nhỏ hoặc khai thác trong hầm mỏ. Địa bản cư trú của họ chủ yếu ở các thị xã quan trọng.

Thứ hai, theo tập tính dân tộc, người Lào chỉ thích làm quan, đi lính hoặc làm ruộng. Bên cạnh đó, luật định của chính phủ Lào đối với người nước ngoài cư trú tại Lào không cho phép họ được sở hữu ruộng đất, thế nên đa phần người Việt tới Lào đều kiếm sống trong lĩnh vực buôn bán, dịch vụ; Duy trì nghề làm ruộng của người Việt rất ít.

Theo thống kê cơ cấu nghề nghiệp của người Việt cư trú tạm thời trên 12 huyện tại tỉnh Luang Prabang năm 2015, chỉ có 60 người chọn làm nghề nông nghiệp và theo tìm hiểu số liệu trực tiếp tại Sở Nông nghiệp tỉnh Luang Prabang và tài liệu của hội người Việt Nam tại tỉnh Luang Prabang, kết quả không có Hội người Việt làm nông nghiệp. Mặc dù chính phủ Lào không cấm người Việt làm ruộng, trồng cây những do họ không có đất đai để trồng cây và chăn nuôi, phải thuê đất của người bản xứ làm, mặt khác sản phẩm nông nghiệp ít đem lại lợi nhuận. Chính vì vậy, người Việt làm nghề này ít nhất so với ngành nghề khác.

Các loại cây trồng chủ yếu của người Việt ở tỉnh Luang Prabang để phục vụ cho cuộc sống của mình, về cây lương thực có:

- Lúa tẻ: Đây là loại cây lương thực mà một số Việt Kiều ở huyện Luang Prabang thường trồng để nấu cơm ăn vào dịp tết va trong những ngày có khách Việt Nam đến thăm nhà. Giống lúa tẻ như người Việt thường trồng là lúa tẻ thơm, khi xay sát, nấu cơm có mùi thơm, hạt cơm mềm và màu trăng trong. Một năm, người Việt trồng lúa tẻ này một vụ.

- Lúa nếp: là cây lương thực chủ đạo mà người Lào và cả người Việt trồng khắp nơi. Nhiều gia định Việt Kiều do sinh sống ở Lào đã lâu nên quen với việc sử dựng gạo nếp làm lương thực hàng ngày, vì vậy, đã trồng giống lúa này. Các giống lúa được trồng phổ biến là lúa Khậu Đo, Khậu Ko Khó, Khậu Hóm Ma Lị, hầu hết các gia đình trồng các loại lúa này, bởi các loại lúa này trồng khá dễ, thời gian thu hoạch ngắn.

Ngoài các loại lúa trên, một số người Việt còn trồng các loại ngô để làm thức ăn cho mình và vật nuôi trong gia đình. Bên cạnh các loại cây lương thực chủ đạo, các loại cây thực phẩm người Việt thường trồng gồm có:

Rau là loại thức ăn không thế thiếu được trong mỗi mâm cơm của gia đình người Việt. Để tiết kiệm tiền, các gia đình Việt đã dùng một mảnh đất nhỏ làm vườn trồng

các loại rau rau muống, bắp cải, rau dền đỏ, rau muống tơi, rau ngót, lá lốt, xà lách. Các loại rau được người Việt chế biến thành các món ăn theo kiểu Việt và Lào như: luộc, canh, xào, nộm và ăn sống với món ăn khác. Ngoài các loại rau đã kể trên đây, trong vườn người Việt còn trồng các nhiều loại cây gia vị như mùi tàu, thìa là, hung quế, gừng, riêng và củ xả…

Gà là loại gia cầm mà người Việt nuôi nhiều để phục vụ cho cuộc sống của mình. Giống gà người Việt nuôi phổ biến là gà Kày Lạt, một loại gà truyền thống của Lào. Loại gà này nuôi khá dễ, chỉ cần có chuồng để ban đêm gà ngủ và khi đẻ có chỗ cho gà ấp trứng, còn ban ngày thả để nó tự tìm ăn ở sân làng. Từ gà Kày Lạt, người Việt chế biến được nhiều món ăn rất ngon như nướng, luộc, món lạp và món koy…

Vịt cũng là vật nuôi thường gặp tại các gia đình của người Việt tại tỉnh Luang Prabang, có nhiều giống như: vịt Pết Ga, vịt Pết Thệt và vịt Pết Lạt, người Việt nuôi vịt nhằm để phục vụ nguồn thức ăn trong gia đình.

Ngoài gà và vịt, tại các gia đình người Việt còn nuôi lợn. Thông thường người Việt xây chuồng lợn ở sau nhà, họ nuôi khoảng 1-2 con lợn để thịt vào những ngày lễ, tết, đây cũng là loại thịt mà họ chế biến thức ăn để thờ cúng trong dịp tết của người Việt.

Nhìn chung, người Việt ở tỉnh Luang Prabang không coi nông nghiệp là nghề chủ đạo trong đời sống của mình, việc trồng trọt hoặc chăn nuôi chỉ là để tăng thêm nguồn lương thực, thực phẩm trong gia đình của họ.

2.2. Buôn bán, dịch vụ

Tuy đến Lào vào các thời điểm khác nhau, song một điểm chung dễ nhận thấy bà con người Việt đến Lào thực hiện ước vọng ngàn đời *"phi thương bất phú"* của mình. Nguyên nhân là do từ rất sớm do nền kinh tế Lào khi đó chưa phát triển, hàng hóa không nhiều nên người Lào không mặn mà với nghề buôn bán, chạy chợ. Sau này, do quy định của luật pháp Lào nên việc kinh doanh vừa và nhỏ, người Việt nhận thấy thích hợp với mình vì nó đảm bảo cuộc sống, vốn đầu tư không nhiều và dễ hòa đồng với cuộc sống nơi ở mới.

Từ năm 1945 đến năm 1975, trong hoạt động thị trường ở Lào, người Hoa nắm vai trò chủ đạo. Sau năm 1975, đặc biệt là sau năm 1986 đến này, Việt Nam và Lào

tăng cường quan hệ hợp tác. Đây chính là môi trường thuận lợi cho người Việt ở Lào làm ăn sinh sống.

Tỉnh Luang Prabang nằm ở miền Bắc nước Lào, cách Việt Nam khoảng 450 km. Được biết từ giữa năm 40 của thế kỷ trước, nhiều người Việt đã tìm tới rồi ở lại đây sinh sống. Gần thập niên đã trôi qua, cuộc sống của thế hệ thứ ba và thứ tư của người Việt ở lại ngày càng được cải thiện mạnh mẽ. Trên những con đường chính của thành phố Luang Prabang, dạo quanh trong những khu chợ Luang Prabang, dễ dàng nhận thấy cộng đồng người Việt có những cửa hàng hết sức khang trang, buôn bán đông đảo tấp nập. Điển hình như tiệm Mini Mart Chí Thanh của ông Nguyễn Văn Vi hay tiệm Tiến Thành do em ruột ông Vi làm chủ và một cửa tiệm bách hóa lớn của người Việt khác, đều nằm trên một con đường sầm uất nhất của trung tâm Luang Prabang.

Chị Phú Lan, con gái ông Vi kể: *"Sau năm 1975, nhiều người Lào gốc Việt tìm đường qua Pháp, Mỹ, Anh…định cư. Riêng gia đình chúng tôi không đi vì cảm thấy cuộc sống ở Luang Prabang rất dư giả nếu chịu khó làm ăn.*

Phần đông các tiệm lớn ở Luang Prabang đều do người Việt làm chủ hay nói cách khác người Việt đứng đầu về lĩnh vực buôn bán kinh doanh ở Luang Prabang. Cụ thể, ở Luanng Prabang chỉ có 2 tiệm vàng nằm trên đường Sisouphanh là tiệm Nàng Qúi và tiệm vàng Sài Gòn đều do người Việt làm chủ. Luang Prabang còn có một ngôi chợ sầm uất do người Việt xây dựng gọi là chợ Phousi, tập trung nhiều người Việt giàu có và thành đạt nhất ở tỉnh nay…".

Tại tỉnh Luang Prabang, buôn bán là nghề chính của người Việt. Theo thống kê của Sở Lao động phúc lợi và xã hội năm 2015, người Việt làm nghề buôn bán rất nhiều, đông nhất là huyện Luang Prabang. Trên ven đường hoặc ở chợ đều có nhiều cửa hàng và hàng hóa của Việt Nam. Địa bàn buôn bán của người Việt tập trung chủ yếu trong các chợ lớn ở Luang Prabang như: chợ Phô Si, chợ Na Viêng Khăm, chợ Đa La và chợ Mà Nô Lăc… Mặt hàng kinh doanh phong phú, đa dạng như vàng, bạc, đá quý, quần áo, đồ điện tử, dày dép, vải vóc… Xuất xứ của hàng hóa chủ yếu từ Việt Nam.

Loại buôn bán lớn: Gồm những cửa hàng lớn có công nhân làm thuê. Các cửa hàng này thường kinh doanh các mặt hàng như vàng, bạc, vật liệu xây dựng, hàng điện tử, nội thất.

Luang Prabang có nhiều cửa hàng lớn, tiêu biểu đó là cửa hàng bán vàng bạc Phonmany và cửa hàng Santi (Việt Kiều) nằm ở chợ Dala, đây là một trong những cửa hàng lớn ở Luang Prabang.

Cửa hàng chị Nguyễn Thị Thanh Hương là một cửa hàng bán buôn và bán lẻ lớn ở làng Na Samphan, huyện Luang Prabang. Mặt hàng buôn bán của cửa hàng này là hàng tạp hóa, đồ dùng văn phòng, các đồ điện tử và đồ thiết bị công nghiệp từ Việt Nam, Thái Lan. Cửa hàng luôn có 8 nhân viên Việt và 3 nhân viên Lào, ngoài bán hàng còn phục vụ vận chuyển hàng hóa tận nơi.

Cửa hàng bán buôn và bán lẻ về các vật chất thu công xây dựng, đồ dùng gia đình và thực phẩm của chị Nguyễn Thị Hoàn ở làng Phô Si, huyện Luang Prabang, tỉnh Luang Prabang, với 7 công nhân, trong đó có 5 công nhân người Việt Nam. Bên cạnh đó, còn kể tới cửa hàng bán phụ tùng ô tô - xe máy của ông Nhụy Điệp Lê ở làng Na Samphan, huyện Luang Prabang, tỉnh Luang Prabang.

Bảng 2.1: Thống kê một số cửa hàng buôn bán lớn ở tỉnh Luang Prabang năm 2015

STT	Họ và tên chủ cửa hàng	Mặt hàng kinh doanh	Địa điểm
1	Thu Thị Hòa	Vật liệu bưu chính và bán Tour du lịch	Luang Prabang
2	Nguyễn Thị Thanh Hương	Hàng tạp hóa, các đồ điện tử	Luang Prabang
3	Phạm Văn Cương	Vật chất thu công xây dựng	Viêng kham
4	Phonmany	Vàng bạc	Luang Prabang
5	Santi (Mạch)	Vàng bạc	Luang Prabang
6	Nhuy Điệp Lê	Phụ tùng ô tô - xe máy	Luang Prabang
7	Nguyễn Thị Hoàn	Vật chất thu công xây dựng	Luang Prabang
8	Trân Khặt Huy	Quần áo - giày dép	Luang Prabang
9	Trân Văn Thanh	Quần áo - giày dép	Luang Prabang
10	Phạm Thị Bản	Nhà bán thuốc tây	Luang Prabang

Nguồn: Sở Lao động và phúc lợi - xã hội tỉnh Luang Prabang

Loại buôn bán trung bình: Loại hình buôn bán này có cửa hàng cửa hiệu, có quầy hàng cố định. Những cửa hàng này thường tập trung ở các chợ lớn của tỉnh Luang

Prabang như: chợ Pho See, chợ Na Viêng Kham, chợ Ma No Lak…Số người Việt Nam buôn bán loại hình trung bình chiếm đa số. Mặt hàng kinh doanh chủ yếu là quần áo, giày dép, vải vóc, mỹ phẩm, sách báo, tập hóa…Một số cửa hàng kinh doanh có uy tín, rất đông khách như cửa hàng Trân Khạt Huy ở chợ Phô Si, với 8 phòng bán giày dép và 16 phòng bán quần áo. Hàng chính của hàng là các loại quần áo, giày dép có nguồn gốc sản xuất từ Việt Nam, Trung Quốc và Thái Lan.

Bảng 2.2. Thống kê một số cửa hàng buôn bán trung bình ở tỉnh Luang Prabang năm 2015

STT	Họ và tên chủ cửa hàng	Mặt hàng kinh doanh	Địa điểm
1	Trần Thị Hương	Quần áo	Luang Prabang
2	Trần Văn Tiên	Quần áo - giày dép	Luang Prabang
3	Nguyễn Văn Keng	Quần áo	Luang Prabang
4	Nguyễn Thị Viên	Quần áo	Luang Prabang
5	Trân Văn Tiệp	Quần áo - giày dép	Luang Prabang
6	Nguyễn Thị Loan	Quần áo	Luang Prabang
7	Phạm Xoan Nguyễn	Quần áo - giày dép	Luang Prabang

Nguồn: Sở Lao động và phúc lợi - xã hội tỉnh Luang Prabang

Loại buôn bán nhỏ: Bao gồm các sạp hàng, quán nhỏ của người Việt Nam kinh doanh các mặt hàng hóa như hỏa quả, thực phẩm, đồ trang sức, trang phục… Nhìn chung các mặt hàng buôn bán đa dạng, phong phú, phần lớn những hàng hóa này được nhập khẩu từ Việt Nam. Thuộc loại hình buôn bán nhỏ cũng phải kể đến những người không thuê được sạp hàng cố định trong chợ nên phải bán trong ruổi trên các con đường, ngõ nhỏ. Thu nhập hàng tháng thường được khoảng 1.000.000 Kíp, Cuộc sống eo hẹp nên họ phải làm thêm những nghề khác như: thợ xây và thợ mộc…để đảm bảo cuộc sống của họ.

Ngoài buôn bán, các nghề dịch vụ cũng chiếm vị trí quan trọng trong những ngành nghề chủ yếu của người Việt định cư tại tỉnh Luang Prabang. Các dịch vụ bao gồm như làm mộc, may đo, giải trí và sửa chữa đồ gia đình… Các ngành nghề dịch vụ vẫn được nhiều người Việt quan tâm mở rộng. Theo thống kể Sở Lao động phúc lợi và xã hội cho biết năm 2015, có khoảng 290 người làm nghề dịch vụ. Các ngành dịch vụ người Việt làm phổ biến như may mặc, chụp ảnh, cắt tóc, sửa chữa đồ điện, rửa xe…Trong

đó, dịch vụ hấp dẫn mà người Việt kinh doanh là ăn uống, có thể nói, hiện nay, các cửa hàng ăn uống của người Việt càng ngày càng nhiều. Các mặt hàng tại cửa hàng nhiều loại nhưng phổ biến nhất là cơm bình dân, phở, bún, trà, cà phê, đặc biệt là dịch vụ ăn uống không chỉ phục vụ cho người Việt mà còn phục vụ cho người Lào. Các quán ăn không chỉ là nơi buôn bán đồ ăn thực uống mà còn là nơi người Việt giao tiếp, trao đổi và chia sẻ công việc, niềm vui, nỗi buồn cho nhau.

Ngoài các dịch vụ trên, người Việt còn một nghề dịch vụ rất phát đạt ở Luang Prabang đó là kinh doanh khách sạn. Ở Luang Prabang có rất nhiều khách sạn nổi tiếng do người nước ngoài làm chủ. Vì Luang Prabang là nơi du lịch nổi tiếng của Lào. Hằng năm có rất nhiều du khách nước ngoài đến thăm. Vì vậy, kinh doanh khách sạn được nhiều khách du lịch nhắc đến như khách sạn Xiêng Thong Palace của ông Trần Trọng Kiên nằm ở trung tâm thành phố Luang Prabang. Khách sạn này rất gần các điểm tham quan như chợ đêm, núi Phu si, chùa Xiêng Thong và cung điện cổ… Có thể nói đây là điểm dừng chân nghỉ ngơi lý tưởng để bắt đầu cho một chuyến hành trình tham quan thành phố Luang Prabang. Khách sạn Xiêng Thong có 26 phòng ngủ, phù hợp cho tất cả các đối tượng khách. Bên cạnh đó khách sạn còn có nhà hàng rất phù hợp cho cả khách lẻ và khách đoàn, khách sạn phục vụ các món ăn Lào - Việt bởi các đầu bếp nhiều kinh nghiệm chế biến. Đội ngũ nhân viên thông thạo cả tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Lào sẵn sàng hướng dẫn khách hàng.

Bảng 2.3: Thống kê các dịch vụ của người Việt định cư tại tỉnh Luang Prabang

STT	Nghề dịch vụ	Số lượng cửa hàng	Số lượng (người)	Nữ (người)
1	Ăn uống	43	75	57
2	Sửa chữa ô tô - xe máy	50	97	20
3	Cắt tóc	30	50	35
4	Sửa chữa điện thoại	15	30	5
5	Sửa chữa đồ điện	10	18	0
6	May quần áo	7	12	9
7	Chụp ảnh	5	7	2
8	Photo copy	6	15	10
9	Nhà hàng Karaoke	7	19	13
10	Nghề dịch vụ khác		50	20
	Tổng cộng	**173**	**323**	**171**

Nguồn: Sở Lao động và phúc lợi - xã hội tỉnh Luang Prabang

2.3. Công nghiệp

Luang Prabang là một tỉnh có nhiều nhà đầu tư người nước ngoài đang quan tâm đến, trong đó, phân lớn là người Việt và người Trung Quốc đã dành vốn đầu tư vào ngành công nghiệp của Lào. Do những thuận lợi của điều kiện tự nhiên và chính sách của Chính phủ Lào đối với người nước ngoài, đồng thời đất nước Lào khá phong phú tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản và có tiềm năng lớn để phát triển kinh tế.

Đến năm 2015 tại tỉnh Luang Prabang chưa có công ty và nhà máy công nghiệp lớn mà chỉ có cơ sở sản xuất bậc trung và bậc nhỏ có nhân công làm việc dưới 50 người. Trong số đó chủ yếu là các nhà máy chế biến gỗ và các công ty xây dựng do các nhà đầu tư Lào và cả nhà đầu tư là người Việt Nam. Các doanh nghiệp này đã đưa hàng trăm công nhân từ Việt Nam sang Lào.

Nhà máy chế biến gỗ: Tiêu biểu là nhà máy chế biến gỗ do ông Phạm Ngọc Hoàn ở huyện Pak Ou có 17 công nhân, trong đó 12 công nhân Việt Nam, nhà máy chế biến gỗ ông Phạm Ngọc Anh ở huyện Pak Ou có 13 công nhân, trong đó đều là công nhân Việt Nam và nhà máy chế biến gỗ ông Lê Nhụy Bại ở huyện Luang Prabang có 5 công nhân, trong đó có 5 công nhân Việt Nam.

Công ty nội thất gỗ: Tỉnh Luang Prabang chỉ có 3 công ty nội thất của người Việt Nam như Công ty nội thất ông Trân Khan ở huyện Luang Prabang có 10 công nhân, trong đó có 6 công nhân Việt Nam. Công ty nội thất ông Trân Tảy ở huyện Luang Prabang có 17 công nhân, trong đó có 8 công nhân là người Việt Nam và Công ty nội thất ông Chù Ba Oán ở huyện Luang Prabang với 5 công nhân người Việt Nam.

Công ty xây dựng thủy lợi: Ở tỉnh Luang Prabang có nhiều công ty xây dựng thủy lợi nhưng mà công ty có công nhân người Việt Nam làm việc khá nhiều là Công ty Xây dựng Thủy lợi Nam Ou 3, trong đó có 35 công nhân là người Việt Nam.

Công ty khai thác than: Ở tỉnh Luang Prabang chỉ có hai công ty khai thác than ở huyện Viêng Kham. Công ty hợp tác quốc tế 705 do ông Nguyễn Trọng Đực ở làng Long Ya có 35 công nhân người Việt Nam. Công ty khai thác than của ông Vũ Văn Hùng ở làng Na Son, huyện Viêng Kham có 25 công nhân người Việt Nam.

Ngoài các công ty trên, ở tỉnh Luang Prabang còn có nhiều công ty trung - nhỏ mà làm một loại vật liệu chủ yếu người Lào sử dựng vào công trình xây dựng, những

công ty này có nhiều công nhân người Việt làm việc trong đó. Ngoài công nhân làm việc cho các công ty trên đây, còn có nhân công Việt làm việc tự do trong lĩnh vực xây dựng. Họ tập trung từ 5 đến 8 người thuê nhà của người Lào ở, kiếm sống bằng nghề xây nhà và các công trình cho người Lào. Tiền công xây nhà của công nhân Việt Nam khá đắt so với công nhân Lào.

2.4. Những đóng góp về kinh tế của người Việt Nam ở tỉnh Luangprabang

Có thể thấy, những ngành nghề của người Việt mang đến đã làm phong phú đời sống kinh tế của người Lào ở tỉnh Luang Prabang.

Từ khi người Việt Nam đến định cư, làm ăn ở đây đã góp phần quan trọng làm biến đổi diện mạo bức tranh kinh tế truyền thống của người Lào nói chung và diện mạo bức tranh kinh tế truyền thống của cư dân tỉnh Luang Prabang nói riêng.

Trước khi người Việt Nam đến tỉnh Luang Prabang, nền kinh tế của tỉnh Luang Prabang là kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc. Người Lào làm vườn, làm rẫy, trồng lúa nếp. Khi người Việt đến tỉnh Luang Prabang, nghề buôn bán của người Lào chưa phổ biến nhiều. Người Việt đến Lào đã nhanh chóng phát hiện ra điều đó và các dịch vụ, ngành nghề buôn bán và đặc biệt là buôn bán nhỏ được ra đời. Điều đó đã tác động đến người Lào làm cho họ biết cách buôn bán và tỷ lệ người Lào có cửa hàng buôn bán ngày càng tăng lên.

Mặc dù Lào là đất nước nông nghiệp nhưng người dân Lào chủ yếu làm ruộng một vụ theo chu kỳ của năm. Sau vụ mùa hàng năm đồng ruộng bị bỏ hoang, khi người Việt Nam sang đây làm nông nghiệp thâm canh tăng vụ, chăn nuôi đặc biệt là chăn nuôi vịt lấy trứng ấp làm món trứng vịt lộn đã tạo điều kiện cho người Lào học hỏi. Bên cạnh đó, các ngành nghề mới được xuất hiện như làm công nhân cho các nông trường do người Việt làm chủ đầu tư, hoặc nghề may mặc, nghề mộc, bán hàng rong, các dịch vụ…

Một tác động rất quan trọng của người Việt Nam ở tỉnh Luang Prabang là đã làm cho người Lào thay đổi tư duy, từ quan niệm sống chỉ cần làm đủ ăn trong năm đến chỗ biết tích góp, dành dụm đề phòng khi cơ nhỡ, bởi vậy, đã tạo thành ý thức lao động cần cù hơn. Do vậy có thể thấy người Việt làm nghề gì người Lào cũng cố gắng học theo và các công ty, xưởng… do người Việt mở không những giúp cho đời sống của những gia đình nay khấm khá mà còn góp phần tạo công ăn việc làm cho người Lào.

Ngoài ra, cũng có một số doanh nghiệp tư nhân của người Việt ở tỉnh Luang Prabang đã thuê người Lào làm việc, phổ biến là trong ngành buôn bán và dịch vụ. khi đến cửa hàng của người Việt có thể thấy nhiều nhân viên Lào làm việc. Nguyên nhân chủ yếu chủ người Việt thuê người Lào làm việc cho mình là: Thứ nhất là tiền công hay tiền lương của người Lào thấp hơn; thứ hai là có nơi ở; thứ ba là biết và nói tiếng Lào để giao lưu và trao đổi với khách hàng.

Người Việt đóng góp cho sự phát triển kinh tế qua trách nhiệm đóng các loại thuế. Nguồn từ nhân sách chính của chính phủ chủ yếu là từ khai thác gỗ, khoáng sản, bán điện và thu các loại thuế. Người Việt định cư tại tỉnh Luang Prabang đã thực hiện tốt đóng các loại thuế cho chính phủ Lào bao gồm thuế thu nhập và thuế thân.

Ở Lào, từ những người buôn bán vặt đến những nhà sản xuất, doanh nghiệp lớn đều phải tự giác nộp thuế cho chính phủ Lào. Mức thuế thấp nhất phải đóng chiếm khoảng 5% của thu nhập, mức thuế trung bình khoảng 10% của thu nhập và mức thuế cao nhất là khoảng 17% của thu nhập.

Ngoài thuế thu nhập người Việt Kiều còn phải đóng thuế thân tuy không cao khoảng 1USA/1 người/1 năm, người Việt mới sang Lào làm ăn còn phải đóng khoảng 10USA/1 tháng vào quỹ công ích của địa phương.

Sự có mặt của người Việt góp phân tăng nguồn nhân lực có trình độ, có kinh nghiệm để thực hiện các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng của Lào. Ở Lào cũng như ở tỉnh Luang Prabang, việc thực hiện dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và các dự án trồng rừng, nông lâm nghiệp đều được công nhân Việt Nam thực hiện. Số lượng công nhân Việt Nam sang Lào làm việc tuy thuộc vào các dự án. Việc người Việt Nam tham gia các sự án ở Lào không chỉ để lại thành quả lao động mà cái quan trọng hơn đã góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho Lào. Mặt khác, một số đã ở lại làm việc, định cư lâu dài ở Lào. Chính những người này đã góp phần tăng nguồn nhân lực có trình độ, kinh nghiệm trong xây dựng cơ sở hạ tầng ở Lào. Số lượng những người Việt Nam gia các công trình xây dựng ở Lào hiện nay chưa có thống kê cụ thể.

So sánh về mặt kinh tế của người Việt Nam sinh sống tại các tỉnh miền Bắc của Lào. Là thấy kinh tế của người Việt Nam ở Luang Prabang tốt hơn so với tỉnh khác. Vì tỉnh Luang Prabang là một tỉnh lớn và có nhiều dân số chính vì thế kinh tế của người Việt Nam ở đó tốt hơn. Đồng thời Luang Prabang là trung tâm du lịch của đất nước Lào. Mỗi năm có rất nhiều du khách nước ngoài và trong nước đến tham quan. Vì vậy;

kinh tế chính của người Việt Nam là làm về dịch vụ du lịch như là nhà nghỉ, khách sạn và công ty du lịch…

Nhìn chung, với những phân tích về những tác động của những hoạt động kinh tế của người Việt Nam trên đất nước Lào đã góp phần đáng kể vào những mục tiêu đặt ra trong quan hệ kinh tế giữa hai nước, nhất là tăng nguồn nhân lực được đào tạo cho Lào; không những thế người Việt ở Lào còn là cầu nối cho mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước.

Trong tương lai, khi Việt Nam gia tăng đầu tư vào Lào theo mô hình công ty mẹ và công ty con, rất có thể các cơ sở sản xuất, buôn bán của người Việt ở Lào sẽ trở thành những công ty con, công ty vệ tinh cho công ty mẹ ở Việt Nam; có chức năng đại diện cho các công ty mẹ ở Việt Nam góp phần mở rộng đầu tư sang các nước láng giềng của Lào.

Tiểu kết chương 2

Trước năm 1986, nền kinh tế Lào chưa phát triển. Từ năm 1986, Lào thực hiện công cuộc đổi mới, các chính sách mở cửa tạo cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài vào làm kinh tế trong đó có người Việt Nam. Do chung đường biên giới, lại có mối quan hệ tốt đẹp trong lịch sử, nên người Việt sang Lào định cư khá thuận lợi.

Cơ cấu ngành nghề của người Việt ở Luang Prabang đa dạng, nhưng phổ biến hơn cả là nghề buôn bán, dịch vụ. Số người Việt làm công nghiệp chiếm ít nhất so với các ngành nghề khác. Cửa hàng buôn bán của người Việt ở các thành phố tại tỉnh Luang Prabang có thể chia thành 3 loại: buôn bán lớn, buôn bán trung bình và nhỏ. Các nghề dịch vụ như ăn uống, sửa chữa, làm đẹp…được nhiều người Việt làm. Ngoài ra, người Việt còn làm công nhân trong các công ty của cả người Việt và người Lào làm chủ, nhưng đông nhất là làm công ty, nhà máy chế biến gỗ.

Nhìn chung, từ năm 1986 đến nay, thân phận và cuộc sống kinh tế của cộng đồng người Việt Nam định cư tại tỉnh Luang Prabang phát triển hơn trước do chính phủ Lào có chính sách tạo mọi điều kiện thuận lợi, không cấm đoán bất cứ nghề gì đối với người Việt ở Lào đặc biệt là Việt Kiều. Bên cạnh đó, nhà nước Việt Nam luôn quan tâm đến cộng đồng người Việt ở nước ngoài với những chủ trương, chính sách thuận lợi.

Chương 3

VĂN HÓA CỦA CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM TẠI TỈNH LUANGPRABANG (1986 - 2015)

Người Việt di cư và định cư ở Lào tư rất sớm. Quá trình cộng cư lâu dài là tiền để thuận lợi để hai nền văn hóa có cơ hội tiếp xúc. Giao lưu và tác động lẫn nhau. Giao thoa văn hóa Việt - Lào hình thành nên những giá trị văn hóa mới, làm phong phú văn hóa Lào. Trong phạm vi nghiên cứu nhỏ, tôi để cập đến những biểu hiện sắc thái thoa văn hóa Việt - Lào trong cộng đồng người Việt ở tỉnh Luang Prabang với cuộc sống hiện đại.

3.1. Văn hóa vật chất

3.1.1. Ăn uống

Cách ăn uống của người Việt Nam cũng mang đậm dấu ấn văn hóa, vừa thể hiện tính cộng đồng của người Việt. Điều nay được bộc lộ trong qua trình ăn uống, vị trí ăn uống và thậm chí cả Việt Nam là một trong bốn nước trên thế giới ăn cơm bằng đũa. Ăn cơm bằng đũa là một cách nghệ thuật.

Khác với một số nước trên thế giới, dọn dần từng món trong một bữa ăn, người Việt dọn ra cùng một lúc tất cả các món ăn cho một bữa và trong khi ăn có thể ăn gì trước hay sau là tùy ý. Điều này thế hiện rõ tính cộng đồng và bình đẳng trong cách ăn của người Việt nam.

Sau khi mọi người ngồi vào mâm, người Việt mời nhau theo thứ tự trẻ đến già. Người trẻ nhất phải mời tất cả mọi người trong nhà, cứ thế theo tuổi mà mời. Phong tục này đang dần dần bị bãi bỏ ở một số gia đình theo lối sống phương Tây.

Người Việt có tập quán ăn chung. Cơm để chung trong nồi, ăn mỗi người một bát, hết lại đơm (lấy cơm), còn thức ăn để chung tất cả. Trong gia đình Việt Nam cũng phân biệt kẻ trên người dưới, nhưng khi ngồi quanh mâm cơm, không khí thân mật, ai cũng như ai. Thêm nữa, trong những gia đình còn khó khăn, ăn chung còn là sự hỗ trợ hay nhường nhịn lẫn nhau. Tục ngữ hay ca dao, truyện cười Việt Nam hay dạy nhau cách ăn như thế nào cho có văn hóa.

Ví dụ: *"Ăn trông nồi, ngồi trông hướng", "Học ăn học nói, học giỏi học mở"*… Văn hóa ẩm thực cũng là một trong những yếu tố văn hóa vật chất đặc sắc của văn hóa

Việt Nam. Văn hóa ẩm thực lưu giữ những phong tục tốt đẹp giúp cho con người Việt sống tốt đẹp, phong phú và tế nhị hơn, hài hòa hơn.

Món ăn truyền thống của người Việt là cơm, cá, rau và trong các món ăn của họ thường không cay, không vị đắng và chát…Khi đến Lào, do cộng cư cùng người Lào với thời gian khá lâu, nên sở thích về ăn uống của họ cũng biến đổi theo người Lào. Người Lào gốc Việt thích ăn các món ăn của Lào như:

- Món Lạp: Món ăn này được làm bằng thịt của các loại khác nhau (thịt bò, thịt trâu, thịt lợn, thịt gà và thịt vịt) hoặc cũng có thể làm bằng thịt của các loại cá. Cách chế biến Lạp rất đơn giản. Trường hợp Lạp thịt, người ta sẽ băm nhỏ thịt rồi trộn với các loại gia vị như: bột gạo rang thật kỹ, ớt, tỏi thái nhỏ, lá hành tươi, các loại rau thơm, nước padec (mắm cá của người Lào) nấu chín. Nếu thích vị cua thì vắt thêm chanh, nếu thích phèo (nấu chín) trộn thêm vào; Lạp cá cũng làm tương tự như Lạp thịt.

Đây là món ăn phù hợp với khẩu vị của người Lào và được xem là món ăn mang đến may mắn, bởi vậy, người Lào thường làm món này là quà biếu trong ngày Tết. Người Việt đã học cách chế biến món Lạp theo người Lào. Trước kia, người Việt làm món Lạp vào dịp Tết Lào và những dịp đặc biệt dành cho các vị khách danh dự, nhưng hiện nay, Lạp đã trở thành món ăn trong ngày thường của một số gia đình Việt Kiều tại tỉnh Luang Prabang.

Ngoại Lạp, các gia đình Việt Kiều còn nấu canh theo kiểu Lào với nhiều loại như canh cá, canh gà, canh rau… Khác với canh của người Việt, món canh Lào có vị cay hơn. Ví dụ như nấu canh măng kiểu Lào Gồm có măng tươi thái nhỏ, lá nha nang vắt lấy nước có màu xanh, ớt tươi, củ sả, phắc nâu, mộc nhĩ, rau bí, padec, rau ngổ rồi đem nấu trộn với nhau. Rau cho vào sau khi măng đã chín.

- Nộm cũng là món ăn người Việt học các chế biến và làm kiểu Lào. Có nhiều loại: nộm xà lách, nộm rau (xụp phắc) và nộm đu đủ là loại nộm được ưa thích và dùng phổ biến. Để chế biến món này phải chọn đu đủ không xanh non mà cũng không được quá chín. Sau khi gọt vỏ, rửa sạch, đu đủ được bào thành sợi nhỏ. Sau đó, người Việt dùng chày giã tỏi, ớt dập, trộn đu đủ với mì chính, đường, nước mắm, cà chua bỏ cau, nước chanh và mắm nêm cá đồng hoặc mắm ruốc, vài trái cà pháo để sợi gỏi thấm đều gia vị. Món nộm có vị cay đặc trưng và rất giòn. Một số người Việt còn trộn thêm thịt

và xương cua đồng đã được hấp chín vào gỏi, tất cả đều được giã hơi giập tạo nên một món lạp đậm hương cua đồng.

Nhìn chung, dù là Việt Kiều hay người Việt định cư tạm thời, có thể thấy điểm chung trong cách chế biến món ăn giống người Lào ở chỗ sử dụng các loại gia vị như hành, ớt, sả nhiều làm cho món ăn có vị cay. Một đặc điểm nữa, dù cho các gia đình Việt Kiều trong bữa ăn hàng ngày sử dụng và chế biến món ăn theo kiểu Lào, nhưng trong những ngày giỗ hay họp mặt gia đình, lễ, tết, họ làm cơm cúng tổ tiên với các món ăn truyền thống của Việt Nam không thể thiếu như xôi, gà luộc, nem…đôi khi có cả món ăn Lào.

- Xôi là một món ăn không thể thiếu trong các bữa cơm gia đình, được ăn cùng với Lạp, canh măng, nộm đu đủ, cá nướng, thịt nướng và nước chấm… Bên cạnh việc nhanh chóng thích ứng với những món ăn của Lào, khi sang Lào người Việt còn đem những tinh hoa trong văn hóa ẩm thực của Việt Nam đến làm cho đặc điểm ăn uống của người Việt ở Lào đa dạng.

Cơm nếp, xôi là món ăn chủ yếu trong mỗi gia đình người Lào. Những người Việt thuở ban đầu đến Lào ăn cơm tẻ là chủ yếu, dần dần họ quen với ăn xôi nếp và sử dụng xôi trong các bữa ăn hàng ngày giống cư dân Lào.

Đến với các gia đình Việt Kiều, có thể thấy gia đình nào cũng có chõ đồ xôi được sử dựng mỗi ngày.

Gạo nếp người Việt dùng đồ xôi có hình dạng dài, màu trắng trong. Để nấu xôi ngon, người Việt đồ bằng chõ hong xôi. Đây là loại chõ làm bằng nhôm có hình dáng bầu tròn, phía trên chõ đặt rổ đan phên kín bằng tre. Khi nấu, người ta đãi sạch gạo rồi bỏ nếp vào rổ đậy kín nắp. Nếp chín nhờ hơi nước từ trong chõ bốc lên. Sau khi nấu xong, xôi được xới sang một cái rổ khác gọi là “Típ Khẩu” để xôi ráo, ngon, không bị ướt nước.

Người Việt ăn xôi nếp với nhiều món như thịt nướng, ruốc chà bông hay cá khô và các món ăn của Lào. Hạt xôi sau khi đồ chin thơm và dẻo nhưng ráo nên dùng tay bốc không bị dính. Xôi không chỉ là cơm ăn trong bữa ăn hàng ngày của Việt Kiều, mà còn là một trong những món ăn Việt Kiều dùng để dâng cơm tại chùa Lào trong những ngày lễ. Họ cũng thường dùng xôi lên những bức tượng Phật hoặc tường nhà ở gia đình để cúng các vị thần cư ngụ tại đó.

Với những người Việt cư trú tạm thời họ thường ăn cơm tẻ với các món ăn truyền thống của Việt Nam. Sử dụng nồi cơm điện đồi cơm điện là cách nấu đơn giản, hiệu quả và nhanh nhất để cơm chín. Nồi cơm điện thông thường đều có chức năng giữ ấm sau khi nấu, giúp người ta luôn có bữa cơm nóng hổi và thơm ngon. Có thể thấy gia đình người Việt nào cũng đều có nồi cơm điện trong bếp.

Những món ăn của Việt Nam làm cho "bức tranh" ẩm thực ở tỉnh Luang Prabang có những thay đổi. Có thể thấy những món ăn truyền thống của người Việt tại chợ, trong bữa cơm và trong các quán ăn với nhiều món như nem, phở, bánh chưng, bún, bánh canh…

Trong dịp đón Tết Nguyên đán, gia đình người Việt nào cũng chuẩn bị bánh chưng, gà luộc, hoa quả cúng tổ tiên. Thậm chí, trong ngày lễ truyền thống của Lào, bà con Việt Kiều cũng gói bánh chưng và nấu ăn để dâng cơm tại chùa của người Lào. Có thể thấy, đây là một cách mà thế hệ Việt Kiều cha anh sinh sống tại Lào bảo tồn và muốn nhắn nhủ với con cháu phải biết trân trọng và giữ gìn những tinh hoa ẩm thực của văn hóa Việt dù sinh sống bất cứ nơi nào trên thế giới [15, tr. 5].

Thức uống của cộng đồng người Việt định cư tại tỉnh Luang Prabang rất phong phú. Họ sử dụng nhiều loại đồ uống, nhưng phổ biến nhất là chè, cà phê, rượu bia, nước ngọt…

Người Việt Nam ở tỉnh Luang Prabang có truyền thống uống nước chè từ xa xưa. Có thể thấy họ ngồi uống chề ở nhà hay quán vào buổi sáng nhất là trong những ngày giá rét. Khi khách thăm nhà, người Việt hay pha một ấm trà rồi mời khách uống. Phần lớn các loại chè người Việt uống được mang từ Việt Nam sang. Ngoài công dụng giải khát, người Việt Nam cho rằng uống nước chè là để cho cơ thể ấm áp và phòng chống một số loại bệnh, thậm chí, chè còn có công dụng làm đẹp da.

Cà phê cũng là một loại đồ uống khá phổ biến của người Việt. Không chỉ thưởng thức cà phê ở quán, mà người Việt còn tự pha chế cà phê uống trong gia đình.

Ngoài chè, cà phê, một thức uống khá phổ biến trong công đồng người Việt Nam, đặc biệt với những thanh niên là rượu, bia…Họ thường dụng rượu để uống những khi buồn, vui, trong dịp quan trọng. Người Việt còn dùng rượu để thờ cũng tổ tiên… Bên cạnh rượu người Việt còn uống bia. Nhiều loại bia được người Việt sử dụng như: bia Lào, bia Năm Khong, hoặc các loại bia nhập khẩu từ Thái Lan: bia Xạng và bia

Reo…Ngoài những thức uống phổ biến kể trên, người Việt còn uống sinh tố và những loại nước ngọt như Pepsi, Milinda, Seven up, Cocacola, nước cam và cá loại đồ uống được sản xuất ở Lào, Việt Nam, Thái Lan và Trung Quốc.

Có thể nói, các món ăn và đồ uống của người Việt định cư tại tỉnh Luang Prabang rất phong phú, đa dạng, bởi có sự kết hợp giữa văn hóa ẩm thực Việt và Lào tạo nên sự thay đổi trong ẩm thực của người Việt tại tỉnh Luang Prabang. Tuy nhiên, dù nhanh chóng thích ứng với cuộc sống ở Lào đặc biệt là trong ăn uống, nhưng những người Việt dù là Việt Kiều mang quốc tịch Lào hay những người Việt định cư tạm thời vẫn hướng về cội nguồn qua việc truyền cho con cháu làm các món ăn thuần chất Việt Nam để thờ cúng tổ tiên trong những ngày lễ, tết.

3.1.2. Trang phục

Khi di cư sang Lào, do sống cộng cư với người Lào trong khoảng thời gian khá lâu nên cách ăn mặc của người Việt ở Lào đã có sự thay đổi. Thích ứng với cuộc sống hiện đại, người Việt thuộc các lứa tuổi khác nhau đều thích mặc quần Tây. Nữ giới thích mặc váy hiện đại hoặc cũng có lúc mặc áo phông kết hợp với quần Jean phong cách. Phụ nữ Việt trung niên mặc kín đáo nhưng kiểu cách cũng rất đa dạng, trang nhã và trẻ trung. Kết hợp với quần áo, phụ nữ Việt ở Luang Prabang còn có các phụ kiện kèm theo như đồ trang sức (khuyên tai, nhẫn, vòng) làm bằng nhiều chất liệu khác nhau như vàng, bạc đá quý ... Giá trị của mỗi món đồ tùy thuộc vào khả năng kinh tế của mỗi cá nhân. Hầu hết phụ nữ Việt ở Luang Prabang đều để tóc ngắn ngang vai hoặc cúp ngắn. Tuy nhiên, vẫn có một số ít vẫn để mái tóc dài truyền thống của phụ nữ Việt Nam.

Đối với nam giới, trang phục là quần bò, áo phông, áo vải cắt may theo thời trang. Đồ trang sức của nam giới không nhiều thứ như nữ giới, những người nam giới có điều kiện hay đeo đồng hồ, nhẫn (vàng, bạc), dây chuyền (vàng, bạc). Về kiểu tóc, đa phần là để tóc ngắn, trừ một số thanh niên để tóc dài theo mốt thanh niên Hàn Quốc, Nhật Bản.

Tập quán mặc của người Việt cũng có những nét khác biệt trong mỗi dịp khác nhau, cụ thể:

Trang phục thường ngày trong lao động: Cả nam giới lẫn nữ giới đều mặc quần áo thường như quần âu hoặc bò, áo vải hoặc áo phông dài tay hoặc ngắn tay tùy thuộc vào sự ưa chuộng và công việc lao động của từng người.

Trang phục trong đám cưới: Trước đây, người Việt ở Luang Prabang duy trì cách mặc theo trang phục cưới hỏi truyền thống của người Việt, cô dâu và chú rể mặc áo dài đóng khăn xếp. Hiện nay, trong đám cưới của người Việt ở Luang Prabang đã có sự chuyển biến. Cô dâu có thể vẫn mặc như vậy hoặc mặc váy, chú rể chuyển sang mặc vest theo Âu phục.

Trang phục cưới truyền thống của người Lào vẫn còn được duy trì và phổ biến. Cô dâu Lào mặc váy được may từ vải thổ cẩm với những đường nét hoa văn mang đậm văn hoá tộc người, tóc búi cao trên đỉnh đầu. Chú rể người Lào mặc áo quần màu trắng, quần rộng ống, bó ở dưới gọi là "xả lỏn", bên hông đeo một thanh gươm và được che ô. Họ thường mặc trang phục truyền thống trong thời gian diễn ra nghi lễ, còn lại cũng chuyển sang mặc Âu phục.

Trong đám cưới chồng Việt - vợ Lào, cô dâu chú rể có thể mặc trang phục cưới hỏi truyền thống của người Lào, thực hành nghi lễ theo phong tục của người Lào hoặc chú rể cũng có thể mặc véc.

Trong đám cưới chồng Lào - vợ Việt, nếu có điều kiện cô dâu được mặc áo dài và đóng khăn, họ hàng đi dự đều trang phục kiểu Việt, chú rể mặc đồ Âu (vest). Họ cũng có thể mặc theo trang phục cưới hỏi truyền thống của người Lào.

Trang phục trong đám tang: Trang phục trong đám tang của người Việt tại Luang Prabang vẫn như trang phục trong đám tang của người Việt ở Việt Nam; con cái, thân nhân người quá cố vẫn mặc quần áo may bằng vải xô màu trắng, đầu quấn vải xô trắng; còn những bà con trong dòng tộc họ hàng thì mặc quần áo màu đen.

Trang phục đi chùa: Trang phục của người Việt ở tỉnh Luang Prabang, khi đi chùa Việt đa phần người Việt mặc quần, mặc áo sơ mi hoặc áo phông tùy theo sở thích của mỗi người. Tuy nhiên cũng có một số phụ nữ người Lào gốc Việt họ hay mặc váy như phụ nữ Lào.

Có thể nhận thấy, đa phần phụ nữ Việt Nam tại tỉnh Luang Prabang rất thích mặc váy Lào. Thường ngày họ chỉ mặc váy Lào, chỉ có trong các dịp lễ hội truyền thống của dân tộc họ mới mặc theo kiểu Việt.

Nhìn chung, người Việt ở Luang Prabang, là sống hòa nhập với xã hội Lào. Quan niệm và phong cách mặc của họ cũng đơn giản. Họ cũng rất thích trang phục của người

Lào và mặc nó trong cuộc sống thường nhật. Tuy nhiên, trang phục truyền thống của dân tộc được trưng diện trong những ngày lễ, hội nhất định trong năm. Điều này thể hiện sự gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống và thể hiện tình cảm với cội nguồn của mình.

3.1.3. Nhà ở

Nhà cửa của người Việt ở Luang Prabang được bố trí theo lối phố phường. Những người Việt ở thành phố, đặc biệt là những người Việt làm kinh doanh thường xây dựng nhà tầng, làm bằng cách lợp tôn lợp ngói, phổ biến là nhà 2 tầng, tầng 1 dùng để phục vụ buôn bán kinh doanh, tầng 2 là nơi ở và giải trí nghỉ ngơi. Những người Việt mới sang không có nhà riêng, phải thuê nhà của người Lào để làm nơi ở và nhà cửa buôn bán, do đó, nhà ở của họ cũng theo kiến trúc của người Lào, do chủ nhà thiết kế.

Kết quả điều tra thực địa ở Luang Prabang cho thấy việc qui định nơi sinh hoạt của các thành viên trong một gia đình người Việt không tuân theo tập quán xưa kia nữa. Phân chia vị trí của các thành viên trong nhà cũng đơn giản. Người cao tuổi, bố mẹ có chỗ ngủ tiện lợi cho sinh hoạt hàng ngày, còn các thành viên khác (con cái, con dâu, con rể) cũng có nơi sinh hoạt riêng.

Bàn thờ Tổ tiên của gia đình luôn được đặt ở vị trí trang trọng nhất trong nhà. Điểm đặc biệt là trong nhà của một số gia đình người Việt, ngoài thờ cúng Tổ tiên còn thờ Phật (Quan Âm, Bồ Tát, Thích Ca), thậm chí thờ cúng cả Nang Quắc (thần phù hộ trong việc làm ăn buôn bán - theo ý niệm của người Lào). Ở một số nơi xa trung tâm thành phố Luang Prabang, người Việt vẫn giữ cách bài trí truyền thống về ngôi nhà của mình. Nhìn từ ngoài vào là một sân phơi thóc lúa; đầu hồi bên phải thường đặt cối xay, các công cụ nông nghiệp; đầu hồi bên trái là nhà bếp nấu ăn và là nơi cất giữ các đồ dùng sinh hoạt gia đình. Phía trong được chia thành ba gian: Gian chính giữa thường đặt bàn thờ tổ tiên, phía chính giữa dưới bàn thờ tổ tiên là nơi tiếp khách, thường đặt bàn ghế hoặc giường phản để khách ngồi uống nước. Gian ở đầu hồi bên phải là buồng ngủ của chủ nhà và gian ở đầu hồi bên trái là buồng ngủ của con gái.

Có thể nói, việc xây dựng nhà ở của người Việt tại Luang Prabang phù hợp với điều kiện khí hậu và kinh tế của mỗi gia đình. Những gia đình giàu có xây dựng rất hiện đại theo kiến trúc của phương Tây, những gia đình bình dân xây dựng nhà rất đơn

giản, tập trung nhiều người trong một ngôi nhà, nhưng mang nét văn hóa của Việt Nam, đặc biệt là cách trang trí ngôi nhà, nhìn vào ngôi nhà có thể biết là ngôi nhà của người Việt.

Như vậy, có thể thấy, dù sinh sống và làm việc ở Lào với thời gian khá lâu dài, tiếp thu những yếu tố văn hóa Lào, nhưng người Việt vẫn giữ được nét văn hóa riêng của mình để tạo nên đặc trưng văn hóa riêng của cộng đồng người Việt trên đất Lào. Mặt khác, cũng từ trong quá trình ấy, sự giao thoa văn hóa Việt - Lào ngày càng thể hiện rõ nét trong các hoạt động văn hóa của người Việt. Ở một chừng mực nhất định nào đó, có thể nhận định văn hóa của cộng đồng người Việt ở Luang Prabang cũng chuyển đổi và thích ứng dần với nền văn hóa bản địa của Lào.

3.1.4. Phương tiện đi lại, vận chuyển

Cách phương tiện giao thông của người Việt tại tỉnh Luang Prabang có nhiều loại, phổ biến là xe máy, ô tô, xe buýt, xe tải…

Xe máy là một loại phương tiện giao thông mà người Việt ở tỉnh Luang Prabang dùng nhiều nhất. Gia đình người Việt nào cũng có xe máy do giá xe máy khả rẻ, phù hợp với những gia đình có điều kiện kinh tế trung bình. Xe máy không chỉ là phương tiện đi lại, mà còn là phương tiện vận chuyển hàng hóa của những người bán hàng rong tại tỉnh Luang Prabang, họ đặt hai cái thùng hàng hóa vào sau xe và rong ruổi đến khắp nơi bán hàng.

Ô tô là một loại phương tiện mà ít người Việt dùng, bởi giá thành đắt, chỉ những gia đình giầu có, có thu nhập cao mới có thể mua ô tô được. Ở tỉnh Luang Prabang, những người Việt dùng ô tô riêng chiếm tỉ lệ rất ít. Xe đạp là loại phương tiện hiếm khi thấy người Việt ở đây dùng. Huyndai là hãng xe tải thường được các doanh nghiệp Việt dùng để vận chuyển hàng hóa cho khách hàng. Bên cạnh các phương tiện cá nhân trên, người Việt còn sử dụng các phương tiện giao thông công cộng như: xe buýt, xe túc túc hay còn gọi là xe Chăm Bô.

3.2. Văn hóa tinh thần

3.2.1. Ngôn ngữ và giáo dục

Việc giữ gìn truyền thống văn hóa được thể hiện trước hết trong việc *gìn giữ ngôn ngữ , tiếng nói* trong cộng đồng người Việt ở Lào.

Theo quan điểm nhân học, ngôn ngữ cũng là văn hóa, nhưng là một dạng văn hóa rất đặc thù, bởi vậy, các nhà dân tộc học thường coi ngôn ngữ là tiêu chí hàng đầu để phân loại tộc người. Ngôn ngữ được coi như là một trong những đặc trưng văn hóa quan trọng nhất để xác định sự mất hay còn của một tộc người. Trong bối cảnh một nhóm người bị chia tách khỏi cộng đồng chính, chuyển tới sống tại một địa bàn cách biệt với địa bàn truyền thống của tổ tiên mình như cộng đồng người Việt tại Lào, việc mất hay còn của ngôn ngữ, của *"Tiếng mẹ đẻ"* cũng có nghĩa như việc mất hay còn của *"Bản sắc tộc người",* bởi vậy, việc giữ gìn ngôn ngữ trở thành vấn đề được cộng đồng đặc biệt quan tâm. Tuy nhiên, do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt giữa hai nước nên việc duy trì tiếng Việt trong cộng đồng người Việt ở Lào có những sắc thái riêng [16, tr. 99].

Nhận xét về việc vừa sử dụng thành thạo tiếng Lào vừa giữ gìn ngôn ngữ tiếng Việt trong cộng đồng người Việt ở Lào, nhà nghiên cứu Amthilo Latthanhot viết: "*Người Việt Nam có phong tục tập quán tốt đẹp, mặc dù họ cư trú tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào từ rất lâu và chịu ảnh hưởng nền văn hóa Lào rất nhiều, nhưng họ vẫn giữ được bản sắc, phong tục tập quán tốt đẹp và văn hóa truyền thống của mình. Họ đã giáo dục con cháu mình biết kế thừa văn hóa tốt đẹp đó. Họ tìm hiểu, học và sử dụng tiếng Lào đi đôi với tiếng Việt bằng việc sử dụng tiếng Việt trong gia đình và họ hàng, anh em, bạn bè Việt Nam với nhau và sử dụng tiếng Lào làm thứ tiếng phổ thông để giao dịch với xã hội, quan hệ trong việc buôn bán, kinh doanh, làm ăn …"* [15, tr.191].

Việt Kiều tại tỉnh Luang Prabang tổ chức dạy tiếng Việt cho con của mình ở nhà, ở xóm làng họ cũng tổ chức dạy tiếng Việt cho một nhóm trẻ em. Chủ tịch Hội người Việt tại tỉnh Luang Prabang chị Phạm Thị Bản (chị BuaBan) cho biết: Việt Kiều thế hệ thứ nhất đa số là sinh ra ở Việt Nam đều sử dụng tốt tiếng Việt. Khi ở nhà họ thường nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt, đồng thời họ cũng học tiếng Lào với người bản xứ. Có một số ít Việt Kiều sinh ra ở Lào, do tuổi con nhỏ, chưa được học tiếng Việt nên chỉ biết những từ giao tiếp thông thường, còn những từ liên quan đến khoa học, chính trị, thông tin hiện đại thì không biết. Phần lớn của những người Việt thuộc thế hệ thứ ba có thể nói được tiếng Việt, nhưng ít người có thể đọc - viết được chữ Việt, bởi lẽ họ ít được tiếp xúc với sách báo tiếng Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Kiều chủ yếu

là những người làm kinh doanh và dựa vào khách hàng là người Lào, nên họ chỉ cố gắng học tiếng Lào để phục vụ cho mục đích kinh doanh. Chính vì vậy, họ có thể nói được cả hai tiếng Lào và tiếng Việt. Thế hệ Việt Kiều dưới 40 tuổi sử dụng tiếng Việt không được thành thạo, thậm chí nhiều người không sử dụng được tiếng Việt. Một số người có thể nghe hiểu chút ít khi ông bà cha mẹ trong gia đình họ nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt. Với người Việt định cư tạm thời thường sử dụng tiếng Việt nói chuyện trong gia đình.

Cộng đồng người Việt tại tỉnh Luang Prabang luôn luôn quan tâm tới việc *"Giáo dục bảo tồn bản sắc văn hóa Việt"*. Mặc dù sinh sống trên đất Lào nhưng người Việt ở Luang Prabang vẫn nói và đọc thông viết thạo tiếng mẹ đẻ. Nếu như ở Viêng Chăn, Savannakhet, Champasac, trường học dành cho con em Việt Kiều khá nhiều thì ngược lại ở Luang Prabang chỉ duy nhất một trường tiểu học và mầm non mang tên Hùng Vương. Do đó, nhiều người Việt tại Luang Prabang nếu muốn bảo tồn chữ viết, tiếng nói và văn hóa Việt cho con em mình, đa số thường phải gửi con về quê nhà học tập hoặc sang những tỉnh khác có trường Việt Nam học nội trú.

Trường Tiểu học và mầm non Hùng Vương được thành lập từ năm 1935, năm 2015, Trường có 8 lớp, trong đó có 5 lớp tiểu học với số học sinh tiểu học 172 người, nữ 93 người và có 160 người học sinh mầm non, nữ 50 người. Học sinh từ mầm non đến lớp 5 là 278 người, nữ 143 người. Học sinh ban đầu chỉ có con em người Việt, sau này, do nhu cầu hợp tác đào tạo giữa hai nước nên trường tiếp nhận cả con em người Lào.

Thầy Chu Ba Ounh Hiệu trưởng trường Tiểu học và mầm non Hùng Vương cho biết: "*Trường tiểu học Thống Nhất nằm ở làng Say Lom, huyện Luang Prabang, tỉnh Luang Prabang, thành lập năm 1935 và công bố thành lập chính thức ngày 02/09/1935, có diện tích khoảng 2035 m^2. Hiện nay, trường có 13 giáo viên, trong đó có 2 giáo viên người Việt Nam. Trường Tiểu học và mầm non là một trong những trường chuẩn, dẫn đầu chất lượng đào tạo. Hằng năm, số học sinh thi đầu vào luôn đứng đầu tỉnh Luang Prabang. Hiện nay tỷ lệ học sinh người Việt là 30% và người Lào là 70%. Chính vì vậy, các thầy cô truyền giảng song ngữ cả tiếng Lào và tiếng Việt theo chương trình chuẩn của Bộ Giáo dục và Thể thao Lào, có chương trình dạy tiếng Việt từ lớp 1 đến lớp 5, mỗi tuần có 5 tiết. Các bài giảng về lịch sử, địa lý đất Mẹ Việt Nam luôn được các thầy cô ở đây chú trọng. Thông qua các bài giảng để các em hiểu biết và tự hào về truyền thống và lịch sử dân tộc"*.

Bảng 3.1. Thống kê học sinh (2012 - 2015)

Đơn vị: người

Cấp học	Năm học					
	2012-2013		2013-2014		2014-2015	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Mẫu giáo	32	40	53	40	56	50
Tiểu học	35	52	33	72	34	93
Tổng số	**67**	**92**	**86**	**112**	**90**	**143**

Nguồn: Thầy Chu Ba Ouah Thị Hiệu trưởng trường Tiểu học và mầm non Hùng Vương tại Luang Prabang

Cô Lò Thị Kiêu Ngân, quê ở Điện Biên Phủ, sang Lào dạy học gần bảy năm, cho biết: "*Tiếng Việt vốn là ngôn ngữ khó học. Đối với người Lào, nó lại càng khó hơn, bởi cách phát âm, ngữ pháp của tiếng Việt và tiếng Lào hoàn toàn khác biệt. Chính vì vậy, để có thể giảng dạy tiếng Việt tốt trong điều kiện chất lượng học sinh không đồng đều và giáo trình giảng dạy vẫn còn thiếu thốn, các giáo viên dạy tiếng Việt đều phải linh hoạt, tự tìm ra các phương pháp giảng dạy sao cho phù hợp với điều kiện của trường. Bởi thế, để các em thấy thoải mái khi tiếp thu kiến thức, tôi đã lồng ghép vào các buổi học những trò chơi liên quan đến bài học. Hầu hết trong mỗi bài dạy của chúng tôi đều có hình ảnh để các em dễ hình dung, dễ hiểu"*.

Ngoài Trường Tiểu học và Mầm non Hùng Vương còn có Trường trung học phổ thông Phong Kham. Đây là ngôi trường khang trang, hiện đại bậc nhất ở trung tâm thành phố Luang Prabang, dành cho con em Việt kiều và học sinh người Lào, được khánh thành vào đầu năm học 2013 - 2014. Toàn bộ kinh phí do Chính phủ Việt Nam giúp đỡ.

Thầy Sitthisone Chanthavongsa - Hiệu trưởng trường trung học phổ thông Pong Kham cho biết: *"Trường mới được xây dựng năm 2011 (Trước đây khu vực này là trường cấp hai Phong Kham). Đây là quà tặng của nhân dân Việt Nam, với trị giá xây dựng 56 tỉ đồng Việt Nam"*.

Trường Trung học Phổ thông Phong Kham nằm ở làng Pong Kham, huyện Luang Prabang, tỉnh Luang Prabang, với diện tích 3.750 m^2. Năm 2011, trường đổi tên từ trường cấp hai Pong Kham sang Trường Trung học Phổ thông Pong

Kham và tổ chức giảng dạy theo chương trình chuẩn của Bộ Giáo dục và Thể thao Lào. Đồng thời có chương trình dạy tiếng Việt từ lớp 6 đến lớp 12, mỗi tuần một lớp có 2 tiết dạy học tiếng Việt. Trường Trung học Phổ thông Pong Kham có 44 giáo viên, nữ là 31 người, trong đó có 1 giáo viên người Việt Nam.

Bảng 3.2. Thống kê học sinh (2014 - 2015)

Đơn vị : người

Lớp	Số lớp học	Nam	Nữ	Tổng số
Lớp 6	2	40	49	89
Lớp 7	3	68	53	121
Lớp 8	2	30	64	94
Lớp 9	3	61	57	118
Lớp 10	2	24	52	76
Lớp 11	2	41	51	92
Lớp 12	2	25	58	83
Tổng số	**16**	**289**	**384**	**673**

Nguồn: Ông Sitthisone chanthavongsa - Hiệu trưởng trường Trung học Phổ thông Pong Kham

Có thể nói, việc người Việt tại Luang Prabang mở những trường, lớp dạy Tiếng Việt có tác động rất lớn đến việc phục hồi văn hóa ngôn ngữ trong thế hệ con cháu Việt kiều. Đây cũng là việc làm rất có ý nghĩa thúc đẩy mối quan hệ giữa hai nước Việt - Lào trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục. Thông qua ngôn ngữ, nhân dân hai nước có dịp tìm hiểu, học hỏi nền văn hóa của nhau, góp phần thúc đẩy mối quan hệ hai nước phát triển bền vững hơn.

3.2.2. Tín ngưỡng, tôn giáo

- Phong tục thờ cúng tổ tiên

Với quan niệm *"uống nước nhớ nguồn"*, việc thờ cúng tổ tiên luôn được người Việt định cư ở Lào bảo tồn và lưu giữ. Đây được coi là một trong những truyền thống văn hóa gia đình. Việc giáo dục con cháu biết tôn thờ tổ tiên, tôn kính ông bà cha mẹ là việc làm thường xuyên và được đề cao. Trong các dịp Tết Nguyên Đán, rằm tháng Giêng, rằm tháng Bảy, người dân mỗi làng vẫn góp tiền sắm lễ thờ cúng các vị thiên

nhiên, các vị thần bảo vệ cộng đồng tại Đình làng theo cách mà cha ông đã duy trì hàng ngàn đời tại Việt Nam. *"Vào các dịp lễ Tết, con cháu người Việt ở khắp nơi trở về quê thăm viếng người thân và tạ ơn thánh thần nơi chôn rau chắt rốn, làm cho không khí làng quê trở nên thiêng liêng và thân thiết"* [19, tr.202].

Trong ngôi nhà của người Việt ở Luang Prabang, có 3 loại bàn thờ chính: Bàn thờ Thổ công, thờ Gia tiên và thờ Phật.

Bàn thờ Thổ công (Thần tài): Bàn thờ Thổ công được lập ngoài sân. Bàn thờ thổ công nhằm cầu yên, cầu tài, cầu lộc. Điểm khác biệt ở đây là nếu bàn thờ thổ công của người Việt thường để tiếp đất bàn thờ thổ công của người Lào thường để cao. Một số gia đình người Việt làm nghề buôn bán thường lập cả hai bàn thờ thổ thần kiểu Việt và kiểu Lào. Việc làm này cho thấy ảnh hưởng yếu tố tâm linh của người Lào đến người Việt trong quá trình sinh sống ở đây.

Bàn thờ tổ tiên: Bàn thờ gia tiên thường được đặt tại gian chính - nơi trang nghiêm nhất của ngôi nhà.

Bàn thờ Phật: Tùy từng gia đình, có gia đình đặt thờ Phật chung với bàn thờ gia tiên nhưng vị trí cao hơn nhưng cũng có gia đình lập bàn thờ Phật riêng vì cúng Phật là lễ chay và cúng gia tiên là lễ mặn.

Có thể nhận thấy, đời sống tâm linh của người Lào và người Việt có điểm khác biệt. Đời sống tâm linh Lào chia làm hai hệ thống: *"Thứ phỉ"* (thờ ma) và *"Thứ phụt"(thiên chúa).* " Thứ phỉ" ở Lào phân theo ba cấp độ: *Phỉ hươn* (thần bảo hộ gia đình, vong linh tổ tiên); *Phỉ bản* (tương đương với Thành hoàng làng của người Việt); *Phỉ mường* (thần bảo hộ chung của nhiều mường). Ngày nay, các loại hình *"Phỉ"* của Lào được các loại hình Phật thay thế. Người Lào không có bàn thờ tổ tiên vì khi mất, người chết được thiêu xác và nhặt di cốt để trong các *Thạt* (tháp) ở chùa và vì vậy hoạt động tâm linh của người Lào chủ yếu là ở chùa.

Ngày nay, trong các khu vực có đông người Việt sinh sống ở Luang Prabang vẫn có những miếu thờ thổ địa ở xóm, ngõ. Mặc dù ở Luang Prabang không có tục thờ cúng Thành hoàng làng nhưng theo nghiên cứu của GS. Nguyễn Duy Thiệu, trên toàn Lào chỉ có làng Xiêng Vang tại huyện Nỏng Bốc, tỉnh Khăm Muộn có tập quán thờ Thành hoàng vì đây là nơi duy nhất trên đất Lào có làng thuần Việt [19, tr. 210].

Cùng với Thờ cúng tổ tiên, tục thờ Thánh (Thánh Mẫu và Đức Thánh Trần) gắn với tục lên đồng là nét sinh hoạt đặc trưng của văn hóa Việt ở Luang Prabang. Tuy nhiên, tục lên đồng của người Việt tại đây cũng ít nhiều bị *"Lào hóa"*, cụ thể: Khi kết thúc mỗi lớp hầu, thầy đồng phát lộc cho người ngồi hầu và thắt chỉ cổ tay (thắt chỉ cổ tay là phong tục cầu may của Lào).

- Phật giáo

Tôn giáo là một bộ phận quan trọng cấu thành văn hóa, cấu thành bản sắc của một tộc người hoặc một cộng đồng người. Việt Nam và Lào đều nằm trong khu vực Đông Nam Á; một khu vực đa dạng về văn hóa, đa dạng về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo. Các hình thức tôn giáo bản địa truyền thống cũng như các loại hình tôn giáo thế giới như: vạn vật hữu linh, Đạo khổng (Nho giáo), Đạo Lão, Thờ phụng tổ tiên, Bàlamôn giáo, Islam giáo, Kitô giáo ... đều có mặt tại khu vực Đông Nam Á.

Người Việt ở Lào vốn rất nặng lòng với quê hương, luôn tự hào về nền văn hóa truyền thống dân tộc nên ngoài việc xây nhiều trường Việt, duy trì sinh hoạt trong gia đình theo tập quán Việt Nam, họ còn xem chùa chiền là điểm văn hóa tinh thần không thể thiếu trong cuộc sống hằng ngày.

Đầu tiên, người Việt cũng đi lễ Phật ở chùa Lào. Nhưng có lẽ do người Việt nhận thấy ngôi chùa Lào với nền văn hoá Lào có nhiều điểm không tương đồng với ngôi chùa của người Việt trước kia. Vì vậy, nhận thấy cần phải có ngôi chùa của chính người Việt trên đất Lào nên đã cùng nhau xây dựng những ngôi chùa Việt đầu tiên ở vùng đất mà người Việt đang sinh sống. Từ đó, những ngôi chùa Việt lần lượt ra đời trên đất Lào.

Ở Luang Prabang chỉ có một ngôi chùa do Cộng đồng người Việt Nam xây dựng là chùa Pra Bat Tai. Chùa Pra Bat Tai được xây dựng năm 1960 tại làng Pra Bat, huyện Luang Prabang, tỉnh Luang Prabang, với diện tích khoảng 1.200 m^2, trong quá khứ chùa ở trong khu vực huyện, phía Nam cùng chùa Pra Bat Nưa. Từ bằng chứng cho thấy chùa đã xây thời nhà vua Sam San Thai. Trong năm 1960, do sự khôi phục chùa hầu như tất cả các chùa đã thay đổi từ nghệ thuật Trung Quốc - Việt Nam, thời đó có nhà sư là người Việt Nam sinh sống ở Luang Prabang và nhân dân đã đóng góp các yếu tố vật chất cùng khôi phục, phần lớn là người cùng chủng tộc như vậy chùa mới

có tên là "chùa Việt", (từ câu Việt Nam). Điểm nổi bật đáng quan tâm của chùa này là ở chỗ tượng phật và kiến trúc bên trong được làm kiểu Trung Quốc hợp kiểu Việt Nam, có dấu tượng Phật đặt ở khu vực bờ sông Mê Kông, từ khu vực này có thể nhìn thấy sông Mê Kông và bên đối lập được rõ coi như điểm nhìn mặt trời xuống rất đẹp của Luang Prabang.

Chùa này được xây trong thời Pra Châu Phạ Ngụm Ma Ha Lát. Dấu tượng Phật đã nhìn thấy hiện nay là được làm lại dấu tượng Phật của Pra Ma Ha Phắt Sa Măn người đã lấy phật giáo vào Lào cùng với Pra Bang từ đất nước Campuchia…

Do ngân sách quyên góp từ bà con trong cộng đồng người Việt tại tỉnh Luang Prabang. Ông SanTi (anh Mạch) - Ủy viên Ban Khánh tiết của Hội người Việt Nam tỉnh Luang Prabang cho biết: *"Chùa Pra Bat Tai thời xưa là chùa của người Lào nhưng không có các sư ở nên đến năm 1959 bà con người Việt Nam định cư tại Luang Prabang đã xin nơi đây để khôi phục làm trường dạy học con cháu Việt Kiều và là nơi thiêng liêng của người Việt xa quê như người Việt tại tỉnh Luang Prabang, đặc biệt là trung tâm trong ngày lễ hội quan trọng của người Việt theo Đạo Phật. Sau năm 1975, bà con người Việt tại đây đã khôi phục và xây dựng thêm ngôi chùa cũ. Đến bây giờ, chùa Pra Bat Tai vẫn là nơi quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người Việt Nam. Hiện nay ở đây có cả các sư Việt Kiều và Lào ở, nơi này vẫn được Hội người Việt quan tâm, giữ gìn bản sắc văn hóa của tộc người mình. Trong ngày rằm hàng tháng có các ông bà cao tuổi vào chùa thắp nhang cúng Phật, đặc biệt, trong ngày Tết nguyên đán của Việt Nam và các ngày lễ quan trọng của Đạo Phật, Hội đã luôn luôn tổ chức và làm lễ tại nơi đây".*

3.2.3. Phong tục tập quán

- Hôn nhân và gia đình

Hôn nhân của người Việt tại Luang Prabang có những biến đổi nhất định cùng với quá trình sinh sống. Trước đây, cha mẹ người Việt thường thích con mình kết hôn với người đồng tộc vì cho rằng người Việt sống với nhau có sự gắn bó vợ chồng, có sự cố kết trong dòng họ. Hơn nữa, con trai Việt cho rằng con gái Việt đảm đang, khéo léo, chịu đựng gian khổ. Tuy nhiên, do sống xen kẽ với người Lào, tiếp xúc với người Lào ngày càng nhiều hơn nên hôn nhân giữa người Việt và Lào ngày càng nhiều trong tầng lớp thanh niên.

Lễ cưới của các cặp đôi (phần lớn là trai Lào lấy gái Việt Nam) được tổ chức theo phong tục tập quán địa phương, bởi giữa Lào - Việt Nam thời đó (và hiện nay) chưa có chính sách quy định cho phép hoặc thừa nhận người Lào và người Việt Nam lấy nhau xuyên quốc gia.

Hiện nay, tuổi kết hôn của người Việt tại Lào được thực hiện theo pháp luật của Chính phủ nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, nữ 18 tuổi, nam 20 tuổi trở lên.

Các nguyên tắc kết hôn

Trong các nhóm người Việt tại Lào đều có quy định tránh nam nữ gần gũi về huyết thống kết hôn với nhau. Mặc dù không có quy định thành văn nhưng người Việt ở Luang Prabang thường không muốn cho con em mình lấy người Lào vì yếu tố bất đồng tập quán. Các cuộc hôn nhân Việt - Lào chủ yếu chỉ diễn ra giữa con gái Việt và con trai Lào. Hôn nhân giữa con trai Việt và con gái Lào tuy cũng có nhưng rất ít.

Giống như người Việt ở trong nước, người Việt ở Luang Prabang theo hình thức hôn nhân phụ hệ, phụ nữ sau kết hôn sống bên nhà chồng, con cái sinh ra lấy theo họ cha. Đối với người Lào, tuy sau kết hôn cư trú bên vợ nhưng con cái sinh ra cũng được lấy theo họ cha.

Các nghi lễ hôn nhân

Người Việt ở Luang Prabang thường tổ chức các hoạt động cưới hỏi trong khoảng tháng 1 tháng 2 hoặc từ tháng 8 đến tháng 12 âm lịch hàng năm. Trước đây, đám cưới thường cách lễ hỏi 1- 3 tháng nhưng hiện nay ở nhiều nơi, đám cưới và đám hỏi được tể chức trong vòng một ngày. Người Lào tổ chức các hoạt động cưới hỏi từ tháng 9 đến tháng 12 theo lịch Lào (tức là từ tháng 9 đến tháng 12 tính theo dương lịch), nghĩa là phải sau khi có lễ ra hè vì những tháng hè người con trai trước khi lấy vợ phải đi tu ít nhất một lần để đền ơn cha mẹ. Hiện nay, cả người Việt và người Lào không nhất thiết phải theo những quy định trên.

Cũng giống như đám cưới ở Việt Nam, một thành phần không thể thiếu trong đám cưới của người Việt tại Luang Prabang là người đại diện cho hai bên. Thông thường, người được chọn làm đại diện phải là người hiểu biết, vợ chồng sống hoà thuận, đông con... Ông bà đại diện cũng là những người được chọn để thực hiện nghỉ lễ "*trải*

giường" cho cô dâu chú rể trong ngày cưới. Giống như người Việt, trong đám cưới của người Lào cũng có người đại diện và thông người ta thường chọn bà dì của cô dâu.

Đặc điểm nổi bật trong đám cưới của người Việt ở Luang Prabang là vẫn giữ được khá nhiều nét đặc trưng phong tục của người Việt trong nước. *"Miếng trầu là đầu câu chuyện"* nên trầu phải 100 lá, cau phải 100 quả để nguyên buồng "*không xẻ, không tách*". Ngoài ra, còn có rất nhiều lễ vật khác như rượu, trà, bánh, xôi gấc, lợn hoặc gà... Những thứ này thường phải đi theo cặp, mang tính chất phồn thực, thể hiện hạnh phúc lứa đôi. Ngoài ra, trong lễ vật còn có một khoản tiền thách cưới. Lễ vật của người Lào chỉ có tiền, vàng và người ta gọi là *"tiền sữa mẹ",* lễ vật nhiều hay ít tùy thuộc vào đám lớn hay nhỏ.

Tuỳ theo tập quán của từng cộng đồng tộc người mà người con gái đi làm dâu hay người con trai đi ở rể, tức là chuyển từ gia đình sinh thành sang sinh sống ở một gia đình khác với một vị thế mới đều phải trải qua các nghi lễ cưới xin.

Nghi lễ cưới hỏi

Hôn nhân của người Việt ở Luang Prabang cũng giống như các tỉnh khác ở Lào vẫn được tiến hành theo các bước : Dạm ngõ, Ăn hỏi, Đám cưới, Lại mặt.

Lễ dạm ngõ (hay còn gọi là lễ chạm ngõ)

Lễ chạm ngõ ở những nơi khác nhau tuy có đôi chút khác biệt, nhưng nhìn chung, vẫn giữ được các đặc trưng giống như nghi lễ của người Việt trong nước. Khi nam nữ đã tìm hiểu nhau, chàng trai về nói với cha mẹ. Cha mẹ chàng trai chuẩn bị lễ vật mang đến dạm ngõ bên nhà gái, gồm một chai rượu, một gói trà, một đĩa trầu, một đĩa cau. Nhà trai mời người làm đại diện cho bên nhà mình để đến nói chuyện với nhà gái. Ngoài người đại diện, còn có bố mẹ chàng trai, anh em (không nhất thiết chàng trai phải đi cùng). Hai gia đình thoả thuận cho đám cưới về lễ vật, thời gian, cách thức tổ chức. Khi nhà trai ra về, nhà gái đưa lại một nửa lễ vật mà nhà trai đã đem đến. Thông thường, từ lễ dạm ngõ đến lễ hỏi cách nhau khoảng 5 - 7 tháng hoặc 1 năm.

Lễ ăn hỏi

Vào ngày ăn hỏi, nhà trai đem lễ vật như đã thoả thuận sang nhà gái. Tùy theo kinh tế gia đình và thách cưới của bên nhà gái mà lễ vật nhiều hay ít, nhưng tối thiểu phải có những thứ như đã được đề cập ở trên. Nhà trai sang nhà gái vào buổi sáng,

khoảng từ 8h30’ đến 9h. Đoàn nhà trai gồm cha mẹ, chàng rể, bà con họ hàng khoảng 20 người, vợ chồng người đại diện (nhất thiết phải mời cả hai) cầm cặp rượu đi trước. Nhà gái cũng mời một người hoặc đôi vợ chồng làm đại diện. Cô dâu chú rể xin phép cùng nhau thắp hương trước sự chứng giám của tổ tiên. Đến trưa, nhà gái làm cơm mời nhà trai và bàn chuyện đám cưới. Nhà gái thường bớt lại mỗi thứ một nửa để vào tráp trả lại cho họ nhà trai mang về gọi là “*lại quả*”. Sau lễ ăn hỏi, nhà gái chia ra mỗi một gói giấy đỏ gồm 3 lá giầu, 3 quả cau, 1 ấm trà đem biếu các cụ già quanh xóm.

Đám cưới

Đám cưới là thời điểm chuyển tiếp vị thế, có một số nghi lễ diễn ra nhằm “*bảo vệ*” cô dâu chú rể. Trước khi sang nhà gái, nhà trai có một ít lễ vật (hoa quả) để trình với tổ tiên. Bố mẹ chú rể “*kiêng*” đi đón dâu. Sau khi nhà gái nhận lễ vật, người ta chọn giờ tốt để cô dâu chú rể làm lễ tơ hồng và lễ tổ tiên. Nhà gái giữ lại phần lớn lễ vật để mời khách và trả lại một phần nhỏ để nhà trai mang về. Các thủ tục lễ nghi phải được làm trong vòng buổi sáng và đưa dâu về đến nhà trai vào khoảng 11h30’. Cô dâu chú rể cũng làm lễ tơ hồng và thắp hương cúng gia tiên bên nhà trai. Bố mẹ, họ hàng hai họ và bạn bè đều mừng tiền hay quà cho đôi bạn trẻ gọi là để họ làm vốn. Bà đại diện của họ nhà trai và bà mẹ chồng đưa cô dâu vào phòng tân hôn. Nhà trai mời họ hàng thân thích và những người nhà gái đi đưa dâu ở lại dùng cơm trưa. Buổi tối, gia đình nào có điều kiện mời hai họ ăn cơm tại khách sạn.

Nhìn chung, đám cưới Việt - Lào là sự kết hợp một cách linh hoạt giữa phong tục người Việt và phong tục người Lào. Tùy theo sự thoả thuận giữa hai bên gia đình mà người ta tổ chức nghi lễ nghiêng về phong tục của tộc người nào, cũng có thể chỉ tổ chức theo phong tục người Lào hoặc theo phong tục người Việt. Tuy nhiên, nghi lễ cưới dù cho được tổ chức hoàn toàn theo phong tục của người Lào thì ở gia đình Việt không bao giờ bỏ nghi lễ tơ hồng và lễ cúng trình tổ tiên.

Thông thường, nếu ở bên nhà gái, nghi lễ cưới được tổ chức theo phong tục của nhà gái, khi về nhà trai tổ chức theo phong tục của nhà trai. Nếu là đám cưới chồng Việt - vợ Lào, nhà gái thách cưới bằng tiền, vàng nhưng nhà trai không nhất thiết phải sắm đầy đủ (trong trường hợp hai người bỏ nhau nhà gái sẽ đòi hết), không có lễ ăn hỏi, chỉ có số ít người nhà trai đến nhà gái bàn bạc và nhà gái mời cơm, không có lễ lại mặt.

Theo phong tục của người Lào, khoảng 9h sáng, nhà trai sẽ đến nhà gái. Đến cổng nhà gái, đại diện nhà trai đưa lễ vật vào. Nhà gái đã chăng 3 lần dây tượng trưng cho 3 lần cửa, đến mỗi lần cửa chú rể đều phải đưa tiền gọi là tiền mua đường mới được vào. Nhà của người Lào truyền thống thường là nhà sàn, khi đến chân cầu thang, chú rể phải đứng lại để cho em gái hoặc em trai cô đâu rửa chân, chú rể cũng đưa một phong bì đựng tiền cho người này. Nhà gái đã chuẩn bị các lễ vật và hai "pha khoẳn" để thầy cúng làm lễ "xù khoẳn" (cột vía) cho cô dâu chú rể. Sau buổi lễ, hai bên họ hàng lần lượt buộc chỉ cổ tay và tặng quà cầu phúc cho đôi bạn trẻ. Trong trường hợp chàng trai Việt sang ở rể, gia đình phải chuẩn bị cho chú rể một chiếc khăn và một chiếc gối để sang, xin phép bên gia đình người Lào.

Đám cưới chồng Lào - vợ Việt, thường người ta tổ chức nghi lễ bên nhà trai theo phong tục cưới hỏi truyền thống của người Lào. Người con trai Lào dù ở rể hay ở riêng, trước khi lấy vợ phải đi ở chùa ít nhất là từ 5-7 ngày. Trước khi cưới một ngày, nhà trai mời thầy cúng tới làm lễ buộc chỉ cổ tay, chúc cho chàng trai đi làm rể được mạnh khoẻ, phát tài, may mắn. Vì cô dâu là người Việt nên nhà gái thách cưới theo phong tục của người Việt và nhà gái phải cử người sang giúp nhà trai sao cho đúng với phong tục truyền thống tộc người. Nếu cô dâu người Việt về ở cùng gia đình chồng thì làm lễ buộc chỉ cổ tay cho đôi bạn trẻ ở nhà trai, nếu đôi trai gái ở riêng thì làm tại nhà riêng của họ.

Lễ lại mặt

Sau cưới 3 ngày (cách một ngày sau khi cưới) cô dâu chú rể tự mua lễ gồm bánh, hai chai rượu, hoa quả và đôi gà...đưa về nhà gái để làm lễ cúng tổ tiên. Cả gia đình ăn uống với nhau, không nhất thiết phải mời khách.

Sau ngày cưới, vị thế cô dâu Việt thay đổi rất nhiều, đặc biệt là cô dâu trưởng phải đứng ra quán xuyến công việc gia đình chồng, phụng dưỡng bố mẹ chồng và thờ phụng tổ tiên bên nhà chồng.

Như vậy, phong tục cưới xin của người Việt ở Luang Prabang vẫn giữ được những nét truyền thống với nhiều lễ nghi phong phú. Việc tổ chức lễ cưới của Việt kiều Lào hiện nay còn được kết hợp hài hòa giữa lễ thức cưới xin theo phong tục Việt Nam với lễ thức cưới xin của địa phương nơi họ cư trú. Cô dâu chú rể vẫn tiến hành dẫn cưới và

cúng gia tiên, đồng thời cũng tiến hành các lễ cầu phúc, chúc phúc theo phong tục cổ truyền của người Lào.

- Tang ma

Trong tâm linh người Việt luôn tồn tại một thế giới khác với thế giới hiện thực, đó là thế giới của những *"linh hồn"*. Người Việt theo tín ngưỡng thờ phụng tổ tiên tin rằng khi chết linh hồn sẽ được về với tổ tiên, người theo đạo Phật cho rằng linh hồn sẽ được về cõi Phật, những người theo Công giáo tin mình sẽ được về với Chúa.

Tang ma là nghi lễ cuối cùng trong chu kỳ nghi lễ vòng đời. Cũng như nghi lễ hôn nhân, tang ma được diễn ra đặc biệt với rất nhiều nghi thức nhằm đánh dấu thời khắc chuyển tiếp quan trọng của đời người.

***Các bước thực hiện tang lễ*:**

Cũng giống như người Việt ở Việt Nam, người Việt ở Luang Prabang khi chết được người thân đứng ra tổ chức tang lễ, đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng. Nơi đất khách quê người, cộng đồng người Việt đã quy tụ được với nhau, chia sẻ và giúp đỡ nhau những lúc cần thiết.

Khi trong nhà có người hấp hối, bà con họ hàng đến túc trực trông nom, tiếp khách, chuẩn bị cơm nước cho người đến phục vụ. Hội người Việt Nam sẽ mua quan tài, chuẩn bị phần đất để chôn, xe và người chuyển linh cữu... Những việc này phần lớn đều dùng quỹ của Hội người Việt Nam để chi trả. Người mất được người nhà tắm (xoa rượu, lau rượu), nhúng vào nước hoa để tẩy uế và thay quần áo đẹp nhất (người theo đạo Phật được mặc ra bên ngoài bộ quần áo có dấu ấn của nhà Phật). Người nhà bỏ một ít gạo vào mồm người chết, nam bỏ 7 hạt, nữ bỏ 9 hạt và một ít vàng. Gạo và muối được cho vào hai túi áo hoặc quần người chết làm lương thực đi đường... Người ta làm vệ sinh quan tài bằng cách lau chùi, rải đều chè khô dưới đáy với quan niệm xương cốt của người chết sẽ được trắng đẹp, bên trên rải thêm một lớp vàng mã.

Người ta tiến hành khâm liệm người chết bằng cách buộc dây vải quanh bả vai, ngang bụng, bắp chân. Một bộ tổ tôm được rải từ trên đầu xuống dưới chân và chỉ rải một lần. Người dân cho rằng, bộ bài tổ tôm có đầy đủ các "sắc", từ quân đến tướng, có thể giải cái không may cho người chết, nếu không làm như vậy người chết sẽ quay về làm hại người sống.

Trước khi đặt xác vào quan tài, xác chết được nhấc lên xuống chạm đất ba lần (còn gọi là hạ thổ). Người ta lấy sợi mây ràng cho thật chặt các miếng ghép của quan tài. Khi đưa xuống huyệt sẽ chặt dây néo ra với quan niệm làm như vậy người chết có thể tự do đi lại. Trong nghi lễ tang của người Việt ở Luang Prabang còn có tục đặt một chiếc nồi đất sét có đường kính khoảng 30 cm ở dưới quan tài. Họ tin rằng linh hồn trú ngụ trong chiếc nồi đất đó, khi đưa linh cữu đi chôn phải đập vỡ để linh hồn đi theo quan tài.

Sau khi đóng nắp quan tài, người nhà lập bàn thờ vong. Trên bàn thờ vong người chết gồm có: 2 lọ hoa, 1 bát hương, 2 cây nến, 1 đĩa trái cây, 1 bát cơm lồng (dùng hai bát cơm úp vào nhau), quả trứng và đôi đũa lau (vót bông). Lúc đi đưa quan tài, người ta mang theo bát cơm này để trên nấm mồ mới đắp. Từ khi có người mất, trong vòng 49 ngày, đến bữa người nhà lại làm cơm để cúng (2 hoặc 3 bữa tùy từng nơi), đối với người đã quy Phật thì cung cơm chay.

Nhà sư làm lễ phát tang. Con trai đội mũ rơm, chống gậy, áo dài vải, xô lộn trái, thắt lưng bằng dây chuối khô... Khác với người Việt trong nước, Việt kiều hiện nay hầu hết không có sự phân biệt tang phục của người vợ, con dâu, con gái. Con trai, con gái, con dâu, vợ chít khăn trắng buộc nút, con rể chỉ chít khăn tròn quanh đầu. Nếu dải khăn bên phải ngắn là bố mất, bên trái ngắn là mẹ mất, chồng mất hai bên bằng nhau, vợ mất chồng chỉ chít khăn tròn, con cháu đều chít khăn tròn, cháu chít khăn trắng, chắt chít khăn vàng, chút chít khăn đỏ. Cháu đích tôn mặc tang phục như con trai.

Khi đã khâm liệm xong, bà con họ hàng, tổ chức đến thăm viếng chia buồn. Con trai đứng bên phải quan tài, bên trái có vợ, con gái, con dâu, nếu vợ mất, chồng ở bên ngoài không phải chịu tang. Trước đây xác chết có thể được quàn trong nhà ít nhất 3 ngày, nhiều là 5 ngày vì người dân quan niệm là cần đợi người nhà từ xa về nhìn mặt lần cuối. Trong thời gian này, con cháu phải ăn bốc, ăn những thứ khô vì quan niệm nếu không làm vậy xác sẽ mau thối rữa. Buổi tối con cháu phải trải chiếu nằm xung quanh trông quan tài.

Trước giờ đi đưa tang 4 tiếng, con trai trưởng đứng ra cúng cơm mời thần đất (thổ địa coi giữ miếng đất gia chủ đang sinh sống), quan đại lộ (xin cho xác chết đi) và mời tổ tiên về đón nhận người chết. Người ta chuyển cữu vào buổi chiều. Trước đó, nhà sư

đã đến đọc kinh làm lễ chuyển cữu. Người con trai trưởng đi trước cầm ảnh, nếu con trai trưởng chết trước thì cháu đích tôn thay thế. Khi quan tài ra khỏi nhà, con trai, con gái, con dâu, con rể nằm ra cản đường. Nhà sư vừa đi vừa tụng kinh cho đến tận nghĩa trang, người nhà bố trí một người ngồi trên xe tang rải tiền vàng mã "dọn đường" (hay còn gọi là "mua đường").

Rước linh cữu người mất ra đến huyệt, bà con đứng xung quanh nhà sư đọc kinh làm lễ hạ huyệt, ban Thanh niên làm nhiệm vụ hạ quan tài xuống. Người nhà và những người đi đưa lần lượt thả đất xuống mồ. Người ta tạo một mô đất để đặt ảnh, hương hoa, vòng hoa, trái cây để người nhà làm lễ tạ mả. Con cháu mỗi người lạy ba lạy trước khi ra về.

Trẻ em sơ sinh và trẻ em nếu mất tại bệnh viện được đưa vào áo quan và đưa ra nghĩa trang chôn ngay, không đem về nhà, việc tổ chức nghi lễ linh và thờ cúng cũng rất sơ sài. Nếu trẻ nhỏ có ảnh cũng được thờ trên bàn thờ chung với tổ tiên nhưng phải để thấp hơn.

Một số người Việt, sau khi mất làm theo nghi lễ hoả táng tại chùa. Trường hợp này do chết do tai nạn hoặc do yêu cầu của người quá cố.

Nghi lễ Thờ cúng người chết sau khi đưa tang gồm có: Cúng 3 ngày, cúng 49 ngày, cúng 100 ngày, cúng hằng năm, 2 năm là cúng cắt tang (nếu con trẻ chết thì một năm). Bàn thờ vong được giữ cho đến hết 49 ngày, hàng ngày người nhà phải cúng cơm 3 bữa. Trong vòng 49 ngày, người nhà kiêng tổ chức các hoạt động cưới cheo, tham gia lễ hội, sang nhà người khác chơi vào các ngày lễ tết. Trong thời gian này, người nhà cũng kiêng ăn những thứ dài giống sợi, dây như bún, phở, miến; kiêng ăn những thứ dây leo như: bầu, bí, dưa leo... Người ta cho rằng nếu ăn những thứ đó sẽ bị người chết "kéo" đi theo.

Sau ba ngày, người Việt ở Luang Prabang làm lễ mở cửa mả, có 4 ống nứa chôn 4 góc huyệt, một ống đựng gạo, một ống muối, 1 ống nước, 1 ống thóc - tượng trưng cho bốn kho lương thực. Trước mộ được đặt 1 cây mía, cầu thang bằng tàu chuối để cho linh hồn ở dưới âm phủ lên. Lễ vật gồm một miếng thịt, đĩa xôi, chai rượu, trái cây, hương hoa, vàng mã. Nhà sư được mời đến chủ trì buổi lễ, đọc kinh cầu cho linh hồn được về nhà, được về chùa nghe kinh trong 49 ngày để linh hồn không còn vương vấn việc trần

gian. Buổi lễ kết thúc, nhà sư làm lễ phóng sinh và đem thả con chim đã được gia chủ chuẩn bị sẵn. Người bị mất được coi là chết oan thì có lễ giải oan.

Người Việt ở Luang Prabang tổ chức lễ 49 ngày cho người quá cố ở trong chùa, nhà sư tụng kinh, tắm vong với ý nghĩa làm cho linh hồn *"sạch sẽ"* để được vào cửa Phật.

Trước đây có nghi lễ 100 ngày, người nhà chuẩn bị lễ mặn gồm xôi, gà, rượu và trong lễ này, người nhà đốt vàng mã, nhà cửa, dụng cụ cho người chết.

Ngày giỗ đầu, con cháu người nhà làm cơm để tụ họp anh em bà con thân thiết. Gia chủ (người con trưởng) thường tự đứng ra tổ chức và làm lễ. Giỗ hằng năm cũng tổ chức như giỗ đầu nhưng có thể không làm to bằng giỗ đầu. Thông thường, hai năm (vào ngày giỗ) người ta làm lễ cắt tang có nhiều nơi chỉ chịu tang 49 ngày.

Hằng năm, giống như người Việt trong nước, vào lễ thanh minh (rằm tháng 3 âm lịch của người Việt) người Việt ở Luang Prabang vẫn giữ tục đi dọn dẹp và cúng mộ, sau đó ra chùa làm lễ.

Rằm tháng 7 (âm lịch của người Việt) người Việt ở Luang Prabang có lễ cúng cô hồn, người nhà ra thăm mộ, dọn dẹp và cúng ở đó. Ở nhà, người ta chuẩn bị một ít cháo, bánh kẹo, bỏng, hoa quả bầy ra cửa cúng và cho trẻ con bốc.

Một số Việt kiều đã đổi sang họ Lào trước khi chết cũng yêu cầu làm nghi lễ tang ma như người Lào. Chùa của người Lào có chức năng như nghĩa địa, người ta hoả táng xác và để tro trong những chiếc tháp xây quanh chùa.

Có thể thấy rằng: *"Tang ma của người Việt về cơ bản vẫn theo hình thức thổ táng chứ không hỏa táng như người Lào. Quan niệm về cái chết cũng như các bước tiến hành nghi lễ trong và sau đám tang vẫn đậm nét, gắn bó chặt chẽ với tục lệ của người Việt tuy một số công đoạn có đơn giản hóa so với trước không có gì thay đổi"*. [11, tr. 349 - 353]. Như vậy, tang ma là một trong những phong tục còn lưu giữ văn hóa truyền thống của người Việt định cư ở Lào.

- Phong tục lễ tết trong năm

Trong một năm người Việt có nhiều ngày tết, lễ khác nhau. Thêm vào đó, sống ở Lào một đất nước có nhiều ngày lễ, tết. Có thể nói, tháng nào trong năm người Lào cũng đều tổ chức làm lễ. Vì lẽ đó, người Việt định cư tại Luang Prabang được đón rất

nhiều các ngày lễ tết quan trọng trong năm của cả hai nước Việt Nam - Lào. Tuy nhiên, ngày lễ tết quan trọng nhất và vui nhất của người Việt đó là tết Nguyên Đán. Vào dịp này, một số gia đình người Việt tổ chức ăn tết tại gia đình, một số gia đình khác lại về thăm người thân ở Việt Nam (đặc biệt là những người Việt định cư tạm thời dành thời gian này về thăm quê hương mình).

Hằng năm, lãnh sự quán Việt tại Luang Prabang thường tổ chức đón tết, với nhiều hoạt động vui chơi cho bà con Việt Kiều. Bên cạnh đó, còn có lãnh đạo của tỉnh miền Bắc Lào đến tham dự buổi Tết đón xuân. Sau khi tham dự đón xuân tại lãnh sự quán xong, họ lại trở về đón tết cùng gia đình và cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Luang Prabang.

Vào dịp tết Nguyên đán, người Việt trang trí, quét dọn nhà cửa, bàn thờ, bày mâm quả trên bàn thờ, chuẩn bị làm mâm cơm cúng tổ tiên vào dịp giao thừa… Người khác thăm nhà đầu tiền trong ngày mùng một tết đón với người Việt rất quan trọng, bởi họ quan niệm điều may rủi của năm mới phụ thuộc vào "vía" của người xông đất. Trong những ngày này, con cháu tập trung lại ở nhà để chúc ông bà và những người cao tuổi. Còn việc phát lì xì mừng tuổi cho trẻ em hay việc hái lộc đầu xuân mang về nhà để lấy may mắn vào nhà có một số gia đình người Việt ở Luang Prabang làm.

Người Việt Nam ở Luang Prabang rất coi trọng việc thăm viếng họ hàng người thân trong dịp tết mục đích nhằm gắn kết tình cảm gia đình, cộng đồng. Lời chúc tết phổ biến của người Việt thường là sức khỏe, phát tài, phát lộc, gặp nhiều may mắn, mọi ước muốn đều thành công. Trong ngày tết, bà con Việt Kiều chú trọng đến việc chế biến những món ăn truyền thống của dân tộc để dâng cúng lên tổ tiên như bánh chưng, bánh dày, nem…

Ngoài tết Nguyên đán của người Việt, những ngày tết cổ truyền của Lào, người Việt cũng hưởng ứng tham gia, đặc biệt là dịp tết Bun Pi Mày hằng năm tổ chức vào giữa tháng 4 dương lịch (khoảng ngày 13-15 tháng tư). Tết Bun Pi Mày là tết lớn nhất của người Lào, đây cũng là dịp thu hút nhiều khách du lịch nước ngoài tham quan Lào. Khi đi ra đường vào ngày tết Bun Pi Mày có thể thấy các nhóm thanh niên Việt Nam cùng với thanh niên Lào té nước cho những người đi lại. Một số thanh niên Việt đi ô tô và xe máy tận nơi du lịch như suối, sông, thác nước để té nước cho nhau và tham dự

các hoạt động vui chơi mà người Lào tổ chức như bắn súng nước, múa Lăm Vông, đi bơi, còn những ông bà cụ họ thường đi chùa làm lễ và đi chúc tết Bun Pi Mày cho người Lào, đi tham dự lễ buộc chỉ cổ tay của người Lào.

Theo quan niệm của người Lào và các nước Phật giáo theo Tiểu Thừa, đây là dịp để cầu nguyện mưa thuận gió hòa, cầu cho cuộc sống của người dân được an bình và hạnh phúc, trong dịp này, mọi người đều bị ướt. Nếu ai bị ướt nhiều thì sẽ may mắn nhiều, vào những ngày này, người Lào thay trời làm mưa để thỏa mãn cơn khát trong những ngày nóng bức của Lào.

Tiểu kết chương 3

Có thể thấy, đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của cộng đồng người Việt tại Luang Prabang khá phong phú, đa dạng. Việc gìn giữ ngôn ngữ tiếng nói và các phong tục tập quán trong các gia đình Việt kiều ở Luang Prabang đã góp phần tích cực vào việc gìn giữ bản sắc văn hóa của dân tộc Việt. Mặc dù có chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Lào nhưng người Việt tại đây vẫn giữ được nét văn hóa truyền thống của dân tộc mình, tạo nên nét văn hóa truyền thống đặc trưng của người Việt, thể hiện sự đoàn kết, gắn bó với quê hương Việt Nam.

KẾT LUẬN

Cũng như các tộc người khác, khi di cư, người Việt đã mang theo cả lối sống, văn hóa của mình. Quá trình người Việt đến Lào kéo dài trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc.

Luang Prabang là một thành phố lâu đời của Lào vốn có những điều kiện sống thuận lợi nên đây là điểm dừng chân của nhiều gia đình người Việt. Hiện nay, cộng đồng người Việt định cư tại tỉnh Luang Prabang gồm 3 bộ phận: một là những người Lào gốc Việt, đây là những người Việt nhập quốc tịch Lào, có quyền lợi như người Lào; bộ phận thứ hai là Việt Kiều, những người Việt làm ăn và sinh sống ở Lào từ lâu đời nhưng chưa nhập quốc tịch Lào và bộ phận thứ ba là những người Việt làm ăn tạm thời, cuộc sống chưa ổn định. Trong ba bộ phận kể trên, những người Việt làm ăn tạm thời chiếm tỷ lệ đông nhất. Nhìn chung, người Việt ở Luang Prabang luôn sống hòa đồng với nhân dân Lào, được nhân dân Lào yêu mến, che chở, giúp đỡ trong những lúc khó khăn.

Đến vùng đất mới, trước hết người Việt phải thích nghi với điều kiện môi trường để sinh tồn. Do đặc điểm của xã hội Lào và những quy định trong Luật của Chính phủ Lào đối với người nước ngoài, nên hoạt động kinh tế của người Việt chủ yếu hướng đến nghề buôn bán và dịch vụ. Với bản tính chịu thương, chịu khó, nhanh nhẹn và sáng tạo, rất nhiều người Việt ở Luang Prabang đã thành công trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Họ trở thành những doanh nhân thành đạt tiêu biểu của thành phố.

Về kinh tế, cộng đồng người Việt định cư tại tỉnh Luang Prabang hiện nay phát triển hơn so với cuộc sống của người Việt thế hệ thứ nhất và thứ hai. Có thể nói, kinh tế của người Việt ở tỉnh Luang Prbang có tác động tích cực với nền kinh tế của Luang Prbang, thúc đẩy việc trao đổi hàng hóa từ thị trường Lào sang thị trường của nước khác đặc biệt là Việt Nam. Các hoạt động kinh tế của người Việt đa dạng, trong đó, buôn bán và dịch vụ là ngành chiếm vai trò chủ yếu trong đời sống kinh tế cả người Việt tại Luang Prabang. Đến với Luang Prabang, chúng ta có thể thấy những cửa hàng buôn bán hàng hóa của người Việt nằm trong các chợ và ven đường của khu thành thị và khu trung tâm buôn bán của tỉnh Luang Prabang. Trong xu thế phát triển kinh tế của Lào kể từ khi thực hiện công cuộc đổi mới, người Việt đã và đang góp phần không nhỏ vào việc phát triển kinh tế của Lào, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay.

Việt Nam là đất nước có một nền văn hóa đa dạng và phong phú, khi người Việt nhập cư vào Lào, cũng mang nét văn hóa riêng biệt của Việt Nam sang Lào. Tại nơi ở mới, người Việt vừa nhanh chóng thích nghi, hòa nhập với cư dân Lào trong cuộc sống hàng ngày, mặt khác, họ vẫn giữ gìn những nét đặc trưng riêng về văn hóa của người Việt thông qua tín ngưỡng tôn giáo, các nghi lễ vòng đời, ẩm thực, cách ăn mặc trong ngày lễ tết quan trọng của cộng đồng người Việt. Đặc biệt, là việc bảo tồn ngôn ngữ Việt. Các gia đình Việt tại tỉnh Luanh Prabang đã tổ chức lớp học dạy tiếng Việt cho bà con của họ, trong gia đình, họ trao đổi với nhau bằng tiếng Việt. Việc thành lập trường Mầm non và Tiểu học Hùng Vương tại thành phố Luang Prabang ngoài mục đích truyền thụ kiến thức thì còn vì mục đích giữ gìn tiếng mẹ đẻ của cộng đồng người Việt tại tỉnh Luang Prabang.

Bên cạnh ý thức giữ gìn văn hóa truyền thống, người Việt còn nhanh chóng thích ứng, hòa nhập với văn hóa của cư dân Lào tạo nên những nét mới trong đời sống văn hóa của cộng đồng người Việt ở Lào. Điều này thể hiện qua cách ăn uống hàng ngày cũng ăn xôi với các món ăn của Lào, vào những ngày tết truyền thống của Lào cũng vào chùa Lào làm lễ cùng với người Lào, tham gia những sự kiện quan trọng của những bạn hàng xóm người Lào tổ chức.

Có thể nói, cộng đồng người Việt tại tỉnh Luang Prabang đã góp phần tích cực và có vai trò nhất định trong đời sống kinh tế, văn hóa và xã hội Lào; những ngành nghề của người Việt mang đến đã làm phong phú đời sống kinh tế của người Lào. Hoạt động kinh tế của người Việt góp phần tạo công ăn việc làm cho người Lào.Việc giao thoa văn hóa Việt Nam - Lào thúc đẩy văn hóa Lào ngày một thêm đa dạng và phong phú.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

***Tiếng Việt**

1. Vũ Thị Vân Anh (2007), "Nguyên nhân và các đợt di dân của người Việt đến Lào", *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2.
2. Ban Đông Nam Á (1976), *"Nhiệm vụ đường lối và phương châm của tổ chức cách mạng Việt Kiều từ năm 1945 đến năm 1975"*, Hà Nội.
3. Bài báo "Giao lưu văn hóa giữa tỉnh Thừa Thiên - Huế và hai tỉnh Salavan và Sekong" (vovworld.vn/vi-vn/Van-hoa-Xa-hoi-Doi-song/Giao-luu-van-hoa-giuainh-Thua-Thien-Hue-va-hai-tinh-Salavan-va-Sekong/107225.vov).
4. D.G.E Hall (1997),*"Lịch sử Đông Nam Á"*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1997.
5. Nguyễn Hào Hùng (2007), "*Tài liệu lưu trữ thời kỳ thuộc địa Pháp liên quan đến đề tài cộng đồng người Việt ở Lào*", Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.
6. Trương Sỹ Hùng (2013), "*Tín ngưỡng dân gian trong đời sống văn hóa Lào và Việt Nam"*,Viện nghiên cứu Đông Nam A.
7. Nguyễn Văn Khoan (2008), *"Việt - Lào hai nước chúng ta",* Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Nguyễn Quốc Lộ (2006), *"Người Việt ở Thái Lan - Campuchia - Lào",* Nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Layphone Phanmahesack (2016), *"Hoạt động kinh tế, văn hóa của cộng đồng người Việt Nam tại tỉnh Khăm Muộn (Lào) 1947-2015"*,Luận văn thạc sĩ nhân văn, Thái Nguyên.
10. Phạm Thị Mùi (2007), "*Nghi lễ vòng đời của người Việt ở Lào và vấn đề giao thoa văn hóa Việt - Lào* ", Viện nghiên cứu Đông Nam Á.
11. Phạm Thị Mùi (2007), "*Vị thế trong gia đình của người phụ nữ Việt kiều ở Lào (So sánh với người Việt và người Lào)*", Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.
12. Phongsavath Silipanya (2015), "*Kinh tế, văn hóa của người Việt ở thành phố Viêng Chăn (Lào) 1975 - 2014*", Luận văn thạc sĩ nhân văn, Thái Nguyên.
13. Nguyễn Hồng Quang "*Đời sống văn hóa của cộng đồng người Việt ở Đông Bắc Thái Lan trường hợp tỉnh Sakôn Nakhon*" Đại học văn hóa Hà Nội. 2008.- 117 tr.

14. Singamphai Phimphaphone (2016), "*Hoạt động kinh tế, văn hóa của cộng đồng người Việt định cư tại tỉnh Salavan (Lào) 1986-2015"*, Luận văn thạc sĩ nhân văn, Thái Nguyên.
15. Phạm Đức Thành (2008), "*Cộng đồng người Việt ở Lào trong mối quan hệ Việt Nam - Lào*", Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội.
16. Phạm Đức Thành (2007), "*Vai trò kinh tế của người Việt tại Lào*", Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.
17. Nguyễn Duy Thiệu (2007), *"Cộng đồng người Việt tại Lào sinh tồn và giữ gìn bản sắc*", Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.
18. Nguyễn Duy Thiệu (2008), "*Di cư và chuyển đổi lối sống trường hợp cộng đồng người Việt ở Lào*", Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
19. Nguyễn Duy Thiệu (2008), "*Chuyển đổi trong đời sống xã hội và đời sống tâm linh của cộng đồng người Việt ở Lào*", Viện khoa học xã hội Việt Nam.
20. Nguyễn Duy Thiệu (1991), "*Một số nét về sinh hoạt vật chất của các tộc người ở Lào*", Nhà xuất bản thế giới, Hà Nội.
21. Nguyễn Duy Thiệu, Amthilo LATTHANHO (2007), "*Bước đầu tìm hiểu luật pháp và chính sách của Lào đối với người nước ngoài và người Việt tại Lào*", Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 2.
22. Nguyễn Văn Thoàn (2013), "*Chùa Phật giáo trong đời sống văn hóa của hai dân tộc Việt Nam - Lào*", Viện nghiên cứu Đông Nam Á, số 12.

*** Tiếng Lào**

23. Công an quản lý người nước ngoài tỉnh Luang Prabang (2015), "*Bản thống kê người nước ngoài ở tỉnh Luang Prabang 2010-2015".*
24. Phạm Đức Dương và OnKeo Nuannavong (2011), "từ điển Lào - Việt", Nxb giáo dục Việt Nam.
25. Địa chí Luang Prabang (1997), NXB Giáo dục, Vientiane.
26. Hội người Việt Nam tỉnh Luang Prabang (2015), "*Bản báo cáo tóm tắt Hội người Việt Nam tỉnh Luang Prabang".*
27. Khampheng Thipmutaly (2007), "*Yếu tố Việt trong tiến trình giao lưu, tiếp xúc văn hóa tại Lào*", Viện Dân tộc học, Viện Khoa học Xã hội quốc gia Lào.

28. Khampheng Thipmutaly (2008), "*Những chuyển đổi trong phương thức kiếm sống và trong đời sống vật chất của cộng đồng người Việt ở Lào*", Viện dân tộc học, Viện Khoa học Xã hội quốc gia Lào
29. Phadone Insaveang (2011), *Di sản văn hóa cố đô Luang Prabang với việc phát triển Du lịch*, Luận văn thạc sĩ Văn hóa học, Đại học Văn hóa Hà Nội.
30. Souneth Phothisan (2000), *Lịch sử Lào,* NXB Giáo dục, Vientiane.
31. Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Luang Prabang (2015), *"Bản báo cáo về việc thực hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Luang Prabang từ năm 2010 - 2015*, NXB Luang Prabang.
32. Sở ngoai vụ tỉnh Luang Prabang (2015), *Bản báo cáo về việc ngoại giao của tỉnh , Nxb Luang Prabang.*
33. Sở giáo dục và thể thao tỉnh Luang Prabang (2015), *Chương trình dạy học Mầm non và cấp 1, cấp 2, cấp 3, Nxb Luang Prabang.*
34. Sở lao đông và phúc lợi xã hội tỉnh Luang Prabang (2015), *"Thống kê lao đông và cơ cấu nghề nghiệp người nước ngoài, Nxb Luang Prabang*.
35. Xomthon Yerlobliayao (2007) "*Chuyển đổi bản sắc văn hóa trong nhóm hôn nhân chồng Lào vợ Việt* ", Viện Dân tộc học, Viện Khoa học Xã hội quốc gia Lào.
36. Xomthon Yerlobliayao (2007) "*Tiếp xúc giao lưu và chuyển đổi bản sắc tộc người trong nhóm hôn nhân hỗn hợp Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào*", Viện nghiên cứu văn hóa Lào.

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI CUNG CẤP THÔNG TIN

STT	Họ và tên	Tuổi	Chỗ ở
1	Nhà sư Khamphay (Việt Kiều)	72	Chùa Pra Bat Tại (văt Việt)
2	Santi hoặc Mạch (Việt Kiều)	45	Bản Kham Yong, huyện luang Prabang, tỉnh Luang Prabang
3	Bà Thương Chu	62	Bản Ma No, huyện Luang Prabang, tỉnh Luang Prabang
4	Ông Chu Ba Ounh	70	Hiệu trưởng trường tiểu học và mầm non Hùng Vương
5	Buoaban VILACHIT	42	Chủ Tịch Hội người Việt Nam, tỉnh Luang Prabang
6	Lò Thị Kiêu Ngân	29	Bản Phonsaat, huyện Luang Prabang, tỉnh Luang Prabang
7	Chitdalin TAIBOUNLAK	40	Trưởng tiểu học và mầm non Hùng Vương
8	Niyom KAMMAVONG	50	Sở Lao động và phúc lợi xã hội tỉnh Luang Prabang
9	Anouson	34	Sở Công nghiệp và Thương mại
10	Vũ Tiến Toàn	38	Bản Phosee, huyện Luang Prang, tỉnh Luang Prabang
11	Sitthisone CHANTHAVONGSA	50	Hiệu trưởng trường trung học phổ thông Phong Kham
12	Saleum YIAKUANOHEUVANG	37	Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh Luang Prabang
13	Soutthixay LATHIPHONG	40	Công an tỉnh Luang Prabang
14	Nguyễn Mạnh Hùng	36	Lãnh sự quán Việt Nam tại Luang Prabang

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hoạt động kinh tế của cộng đồng người Việt tại Luang Prabang

Hình 1: Công ty thương mại của người Việt tại Luang Prabang

Hình 2: Quán ăn bình dân của người Việt

Hình 3: Gala sửa chữa xe máy của anh Văn Minh

Hình 4: Tiệm cắt tóc LiZa của chị Mai

Hình 5: Nhà hàng KARAOKE của Người Việt tại Luang Prabang

Hình 6: Tiệm hoa quả của người Việt tại chợ Luang Prabang

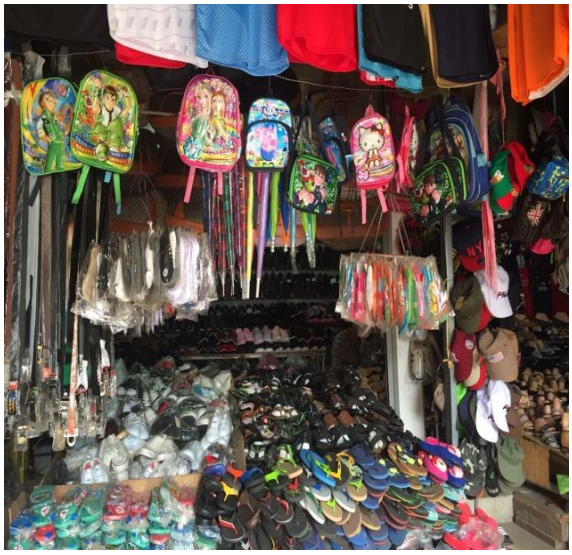

Hình 7,8,9,10,11,12: Cửa hàng và hàng hóa của người Việt tại chợ Luang Prabang

Phụ lục 2: Hoạt động văn hóa của cộng đồng người Việt tại Luang Prabang

Hình 13, 14, 15, 16, 17, 18: Nhà cửa của Việt Kiều tại luang Prabang

Hình 19, 20, 21, 22, 23, 24: Chùa Pra Bat Tai hoặc chùa Việt tại Luang Prabang

Hình 25, 26: Lãnh sự quán Việt Nam tại Luang Prabang

Hình 27, 28: Trường tiểu học và mầm non Hùng Vương ở bản Saylom, huyện Luang Prabang

Hình 29, 30: Trường trung học phổ thông Pong Kham ở Luang Prabang

Hình 31: Hội người Việt Nam tại tỉnh Luang Prabang